PLKT (cô Lê Thị Thanh)

6 chương  
C1. Lý luận chung về PLKT (học GT)  
C2. PL về chủ thể kinh doanh (kết hợp GT – TL)  
C3. (GT) Pháp luật hợp đồng  
C4. (Slide) Pháp luật phá sản  
C5. (Slide/word) Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  
C6. Pháp luật tài chính

Chương 1: Lý luận chung về PLKT

*Câu hỏi .PL là gì? Quản lý bằng PL là gì?*- Khái niệm PL  
- Quản lý bằng PL: có 2 yêu cầu:  
+Có hệ thống PL hoàn thiện mà để đánh giá hệ thống PL của 1 quốc gia trong1 điều kiện hoàn cảnh nào đó cần có 4 tiêu chí  
+Bảo đảm PLKT thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để trong thực tế

*Câu hỏi Tại sao Nhà nước phải quản lý về kinh tế bằng PL/Sự cần thiết phải quản lý nền kinh tế bằng PL*- Xuất phát từ vị trí vai trò của hoạt động kinh tế. Hoạt động kinh tế quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của loài người  
- Xuất phát từ đặc điểm: ưu nhược điểm kinh tế thị trường. Để phát huy ưu điểm và hạn chế nhược điểm thì NN phải quản lý bằng PL  
VD: Để phát huy và tận dụng được lợi thế của cạnh tranh.  
Nhược điểm KTTT: như phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường…thì phải có pháp luật  
- Ưu thế của NN.  
- Xuất phát từ những thuộc tính khách quan của PL.   
VD: PL có những thuộc tính/dấu hiệu/đặc điểm của PL là:  
+Tính quy phạm phổ biến -> cho nên NN sd làm công cụ quản lý, điều chỉnh  
+Tính được bảo đảm bằng NN   
+Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

*Câu hỏi. Tại sao phải* ***tăng cường*** *quản lý nền KT NN bằng PL?*Vì chưa đáp ứng được 2 yêu cầu:  
+Thực tế hệ thống PL của chúng ta chưa hoàn thiện (chưa thỏa mãn 4 tiêu chí)  
+Thực hiện PL chưa nghiêm, rất nhiều trường hợp vi phạm

*Câu hỏi Phân biệt Luật kinh tế và PLKTPLKT:hiểu là 1 lĩnh vực PL, rộng hơn ngành luật kinh tế.*Luật KT: hiểu là 1 ngành luật

VD.   
- Quan hệ giữa CQNN có thẩm quyền quản lý của HĐKT của các chủ thể kinh doanh (nhóm 1 mà PLKT điều chỉnh)  
Tất cả CQNN và cán bộ công chức CQNN khi thi hành công vụ đều nhân danh quyền lực NN  
1 bên là nhân danh NN, 1 bên là bên bị quản lý => các bên chủ thể có địa vị kinh tế bất bình đẳng=> PP điều chỉnh chủ yếu là mệnh lệnh  
- Công ty cổ phần A sản xuất bàn ghế để bán cho hvtc, nhưng đồng thời cty cổ phần A cũng sx cho các hợp tác xã, chủ thể khác…(nhóm 2 mà PLKT điều chỉnh) => các bên tham gia có địa vị pháp lý bình đẳng => PP điều chỉnh là PP thỏa thuận/tự định đoạt  
=>Do đó tùy từng đối tượng mà sd PP thỏa thuận, mệnh lệnh…

Nội dung chủ yếu của PLKT (2):  
+Xác lập và bảo đảm sự quản lý của NN đối với nền KT  
+Xác lập và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các TC cá nhân

1-Xác lập và bảo đảm sự quản lý của NN đối với nền KT  
- QLcủa NN đối với nền KT: sự quản lý của NN thông qua các CQNN có thẩm quyền quản lý các chủ thể tham gia HĐKT bằng các công cụ chính sách  
- Đặc điểm QL NN với nền KT:  
+Chủ thể quản lý: CQNN có thẩm quyền  
+Đối tượng bị quản lý: tất cả các chủ thể tham gia vào các HĐKT  
+Phạm vi QL: vĩ mô  
+Tính chất QL: mang tính quyền lực  
+Công cụ QL: nhiều công cụ chủ yếu là PL  
2- Xác lập và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh (chương 2)

*Câu hỏi. Ở VN hiện nay có những loại cơ quan NN nào? Trong các loại CQNN đó thì cơ quan nào trực tiếp quản lý NN đối với nền kinh tế?*Tất cả các CQNN đều tham gia vào quản lý NN đối với nền kinh tế? Đúng hay sai?

***Ở VN hiện nay có 5 cơ quan NN sau:***  
1-CQ quyền lực NN: (CQ do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân) bao gồm Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp  
2-Chủ tịch nước  
***3-CQ Quản lý hành chính NN***: đứng đầu là Chính Phủ, các CQ ngang bộ (Ngân hàng NN VN, Uỷ ban dân tộc), CQ QL hành chính NN TƯ, CQ QL hành chính NN địa phương (UB ND các cấp, VD: Sở, Ủy, Ban thuộc UBND Huyện, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện…)  
4-CQ Kiểm sát: Viện KS ND Tối ư cao, Viện KSND cao, Viện KSND cấp tỉnh, cấp huyện, CQ KS quân sự  
5-CQ xét xử: Toàn án ND tối cao, TAND cấp cao, TAND cấp tỉnh, cấp huyện, TA quân sự

***=>chỉ có CQ QL hành chính NN mới trực tiếp QLNN đối với nền KT***

***=> CQ có thẩm quyền chung QL NN đối với nền KT: (trực tiếp QL nền KT, các ngành, lĩnh vực KT):***+nếu ở TƯ: Chính Phủ   
+nếu ở địa phương: UB ND các cấp  
***Các CQ NN khác ko trực tiếp nhưng đều tham gia và QL***:  
+VD: Quốc hội ban hành luật làm căn cứ để QL  
+Tòa án: giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  
=>Nhưng chỉ là tham gia thôi chứ ko trực tiếp QL  
   
*Câu hỏi: Phân biệt QL NN đối với nền KT với QL kinh doanh của chủ thể kinh doanh*

HÌNH THỨC PLKT:

Dựa trên quan hệ KT:   
+QHKT ko có yếu tố nước ngoài  
+QHKT có yếu tố nước ngoài  
  
1-QHKT ko có yếu tố nước ngoài:  
\_Văn bản QPPL  
\_Tập quán pháp  
\_Án lệ   
Nguyên tắc áp dụng => thì PL điều chỉnh là PL VN  
VD: Công ty CP A có trụ sở quận BTL, kí hợp đồng bán hàng cho cty B trụ sở quận 1 HCM  
=> là QHKT ko có yếu tố nước ngoài => PL điều chỉnh là PL VN => hình thức PL VN => CQ nào có thẩm quyền ban hành  
VD: Là CQ có thẩm quyền chung (CP, UBND, CP ban hành văn bản tên gọi là Nghị định quản lý NN đối với nền KT, còn UBND ban hành văn bản gọi là…)  
  
2-QHKT có yếu tố nước ngoài: PL áp dụng ở đây là nguồn:   
+Tư pháp quốc tế (điều ước QT được kí kết giữa NN XHCN VN với bên tham gia KT có điều chỉnh QLKT có yếu tố nước ngoài)  
+PL các QG liên quan  
+Tập quán QT  
+Án lệ

*Câu hỏi: Cho VD về 1 QHKT có yếu tố nước ngoài và giải thích tại sao đó là QHKT có yếu tố nước ngoài? (xem lại 3 dấu hiệu, QHKT nào có 1 trong 3 dấu hiệu đó thì nó là)*

*Câu hỏi: Cho VD về 1 QHKT có yếu tố nước ngoài và chỉ ra hình thức PL (nguồn luật áp dụng) điều chỉnh quan hệ đó.*

\*Các nguồn luật quốc gia chủ yếu được áp dụng trong lĩnh vực KTQT:

- Luật nhân thân (luật quốc tịch, luật nơi cư trú)  
- Luật nơi có tài sản  
- Luật toà án  
- Luật nơi thực hiện hành vi  
- Luật do các bên lựa chọn  
- Luật nước người bán  
- Luật nơi vi phạm pháp luật

Nguyên tắc áp dụng PL trong quan hệ quốc tế

\* Nguyên tắc áp dụng Pháp luật Việt Nam   
\* Nguyên tắc áp dụng Điều ước quốc tế  
\* Nguyên tắc áp dụng Pháp luật nước ngoài   
\* Nguyên tắc áp dụng Tập quán quốc tế

Chương 2: Pháp luật về chủ thể kinh doanh

Khái niệm về chủ thể kinh doanh:

Các chủ thể KD theo quy định của Luật DN:

- Quy chế pháp lý chung về DN  
- Công ty  
- Doanh nghiệp tư nhân  
- Tổ chức lại DN, giải thể DN

Các chủ thể kinh doanh khác:  
- Hợp tác xã  
- Hộ kinh doanh

Đặc điểm:

+Có vốn đầu tư kinh doanh  
+Thực hiện hành vi kinh doanh  
+Thực hiện hạch toán kinh doanh  
+Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế   
+Chịu sự quản lý của Nhà nước (ĐKKD)

Phân loại:

|  |  |
| --- | --- |
| Căn cứ vào phạm vi trách nhiệm TS | 1-Chủ thể kinh doanh gắn với trách nhiệm hữu hạn về TS  +Có sự tách bạch/độc lập giữa TS của chủ sở hữu với TS của chủ thể kinh doanh +CSH chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ phát sinh từ mọi hoạt động kinh doanh của chủ thể kinh doanh trong phạm vi số vốn mà họ đã cam kết góp vào kinh doanh  VD: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên Rồng Bay tv1: Trần Văn Rồng có tổng TS 10 tỷ, cam kết góp 3 tỷ, TS khác 7 tỷ tv2: Nguyễn Thị Bay có tổng TS 9 tỷ, cam kết góp 3 tỷ, TS khác 6 tỷ =>Anh Rồng và chị Bay là chủ sở hữu, công ty RB là chủ thể kinh doanh VD công ty nợ 30 tỷ, cty bị phá sản còn 500tr. =>các chủ nợ có khả năng đòi được nợ trong 500tr. Nếu a Rồng và c Bay ko vi phạm pháp luật ko ai có quyền động đến TS khác (riêng) của họ được, cùng lắm là mất hết số vốn góp vào công ty thôi =>a Rồng và c Bay (CSH) chịu trách nhiệm hữu hạn về TS; Công ty RB (chủ thể kinh doanh) gắn với trách nhiệm hữu hạn về TS |
| 2-Chủ thể kinh doanh gắn với trách nhiệm vô hạn về TS  ko có sự tách bạch/độc lập giữa TS của CTKD và TS khác của CSH =>CSH chịu trách nhiệm tất cả các khoản nợ và mọi hoạt động phát sinh của CTKD bằng toàn bộ TS của CSH  VD: Cô Lê Thị Thanh có 30 tỷ, thành lập DN tư nhân, đăng ký vốn đầu tư kinh doanh 10 tỷ (có nhà, oto, VNĐ) => ko cần đăng kí chuyển quyền sở hữu Trong quá trình hoạt động kd, cô Thanh nợ 20 tỷ, 1 ngày nào đó phá sản ,TS còn lại 200tr =>chủ nợ vẫn đòi được hết nợ => CSH Lê thị Thanh chịu trách nhiệm vô hạn về TS, còn CTKD công ty Lê thị Thanh gắn với chế độ trách nhiệm vô hạn về TS  *Câu hỏi: ưu và nhược điểm của chế độ trách nhiệm hữu hạn về TS trong kinh doanh*  \_Nêu được nội dung \_Nhìn dưới 2 góc độ 1 là CSH, 2 là nhìn dưới góc độ chủ nợ **\_Ưu điểm:** *+Nhìn dưới góc độ CSH:*  Tạo ra sự phân tán rủi ro của CSH của CTKD cho các chủ nợ =>khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư trực tiếp vào kinh doanh, cả những lĩnh vực kinh doanh mạo hiểm =>bảo đảm cân đối nền kte *+Đứng dưới góc độ chủ nợ:* các chủ nợ có khả năng xác định được giá trị của TS của CTKD để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của CTKD cho chủ nợ **\_Nhược điểm:** *+Góc độ CSH của CTKD:* CTKD gắn với chế độ TNHH chỉ được sử dụng của chính TS của CTKD đó để bảo đảm cho việc thực hiện trả nợ cho chủ nợ =>CSH ***khó có khả năng*** sử dụng TS riêng của CSH để bảo đảm cho các khoản vay của CTKD gắn với chế độ TNHH +*Góc độ chủ nợ*: các chủ nợ chỉ có khả năng thu hồi nợ trong phạm vi số TS còn lại của CTKD =>các chủ nợ có khả năng mất nợ  *Câu hỏi: ưu và nhược điểm của chế độ trách nhiệm vô hạn về TS trong kinh doanh* \_Nêu được 2 nội dung \_Ưu/nhược của TNVH là ngược lại với TNHH: \_Ưu: + +Các chủ nợ có khả năng thu hồi nợ ko chỉ trong phạm vi còn lại của CTKD mà còn cả những TS khác của CSH ko đầu tư vào kd \_Nhược: +Chủ thể gắn với TNVH ko phân tán rủi ro của CSH của CTKD cho các chủ nợ =>ko khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh đặc biệt là kinh doanh mạo hiểm => ko bảo đảm nền kte +Các chủ nợ khó xác định được giá trị TS của CSH để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chủ nợ. Vì TS của CSH trong đó có TS ko đầu tư vào kinh doanh |
| Căn cứ và hình thức tổ chức (5 loại) | 1-4 loại công ty và 1 DN:  Cty TNHH 2 tv trở lên, Cty TNHH 1 tv, Cty CP, Cty hợp danh và DN tư nhân (ko phải công ty tư nhân mà là DN tư nhân nhé)  2-Hợp tác xã (có đăng ký kinh doanh)  **Đi sâu vào phần sau**  3-Hộ kinh doanh (có đăng ký kinh doanh)  4-CTKD ko đăng ký kinh doanh => ko học |
| Căn cứ vào nguồn lực điều chỉnh và hình thức pháp lý của CTKD | 1-DN được điều chỉnh bằng luật DN  2-CTKD khác (vd: htx điều chỉnh bằng luật htx, hộ kinh doanh được điều chỉnh bằng nghị định…) |
| Căn cứ vào nguồn vốn đầu tư | **1-DN Nhà nước** +NN sở hữu 100% vốn => bất kỳ DN nào có vốn NN thì đều QL và sử dụng vốn NN hiện có tại DN  **2-DN ko phải DN nhà nước** +NN ko sở hữu 100% vốn |
| Mục tiêu hoạt động | **1-DN kinh doanh**  **2-DN xã hội** thỏa mãn 3 tiêu chí: +được cấp giấy chứng nhận đăng ký DN +mục tiêu hoạt động: giải quyết các vấn đề XH, vấn đề môi trường| +hàng năm DN phải sử dụng ít nhất 51% LN của DN để đầu tư tái bổ sung |

Quy chế pháp lý chung về DN:  
Khái niệm  
Phân loại:

\*Thành lập DN và đăng ký kinh doanh

Quyền thành lập, quản lý DN:

***Câu hỏi****: Tại sao người bị mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự bị cấm thành lập quản lý doanh nghiệp*Năng lực hành vi dân sự: là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự  
Khi tổ chức/cá nhân thành lập DN thì họ trở thành CSH DN, lúc này DN là CTKD, CSH DN có quyền và nghĩa vụ, DN cũng có quyền và nghĩa vụ của DN, khi góp vốn vào để trở thành CSH DN thì trước hết cá nhân là người góp vốn họ phải có TS, họ có quyền đồng thời có nghĩa vụ của CSH.   
VD họ có quyền quản lý, quyền quyết định các hđ kd của DN, và đồng thời họ cũng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm hoạt động kd của DN, trách nhiệm về TS => chính vì vậy cá nhân mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự bị cấm=> họ ko có khả năng nhận thức được khi làm chủ DN, ko có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ DN, ko có khả năng nhận thức hậu quả pháp lý của chủ DN khi ko thực hiện được nghĩa vụ, ko có khả năng gánh chịu hậu quả pháp lý của chủ DN

TRÌNH TỰ THÀNH LẬP DN:

khi thành lập DN => CSH làm thủ tục đăng ký kinh doanh => gửi hồ sơ đăng ký DN đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký DN (cơ quan cấp *giấy chứng nhận đăng ký DN* chứ ko phải là giấy phép nhé, trong thời hạn tối đa 3 ngày làm việc, cơ quan đó là CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP TỈNH: PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH THUỘC SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ => DN có quyền nghĩa vụ kể từ khi nhận được giấy chứng nhận)

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện hợp pháp | |
| Đại diện theo PL (đương nhiên)  có thể 1 hoặc nhiều người ->xem trong điều lệ xem ai là đại diện PL, nếu trong điều lệ ko ghi thì  Cty CP là … cty TNHH là chủ tịch cty/chủ tịch hội đồng thành viên nếu là giám đốc là đại diện PL thì trong điều lệ phải ghi rõ | Đại diện theo ủy quyền  chỉ được tham gia quan hệ PL trong phạm vi được ủy quyền |

PHẦN 1: CÁC CHỦ THỂ KINH DOANH BỊ ĐIỀU CHỈNH BỞI LUẬT DOANH NGHIỆP  
Các loại DN:  
5 loại:  
+4 công ty: cty TNHH 2tv trở lên, cty TNHH 1tv, cty CP, cty hợp danh  
+1 DN: DN tư nhân

**1.Công ty TNHH 2 thành viên trở lên:**

**- Là DN trong đó thành viên tối thiểu là 2, thành viên tối đa là 50**+TV chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ TS khác của DN trong phạm vi vốn đã góp/cam kết góp vào DN  
+Phần vốn góp của tv chỉ được chuyển nhượng theo quy định

**- Đã là TNHH => ko được phát hành cổ phần**, CSH ko gọi là cổ đông mà chỉ gọi là thành viên =>chỉ cấm phát hành cổ phần, chứ ko cấm phát hành chứng khoán khác: trái phiếu…=>có nghĩa là có quyền nhưng khi mà họ phát hành các chứng khoán khác ko phải cổ phần thì họ phải có đủ điều kiện => chứng tỏ cty có thể huy động vốn vay để tăng vốn đầu tư kinh doanh (bằng cách phát hành trái phiếu) nhưng phải đủ 2 điều kiện sau:  
+Các trái phiếu trước khi phát hành đến hạn phải được thanh toán hết cả gốc cả lãi =>tại thời điểm DN phát hành trái phiếu DN ko có bất kỳ khoản nợ nào  
+Ngoài ra phải thỏa mãn các điều kiện trong luật chứng khoán nữa

- Nếu thành viên tăng quá 50, buộc phải chuyển thành công ty cổ phần  
**- Cty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN**

***Câu hỏi****: Tại sao công ty TNHH 2 thành viên số thành viên tối đa phải là 50 thành viên?*Theo căn cứ pháp lý chia thành 2 loại:

+Công ty đối nhân: quan tâm đến nhân thân của CSH, mà trong đó CSH ít nhất phải có là 1 cá nhân có trình độ chuyên môn, uy tín nghề nghiệp và ít nhất phải có 1 người chịu trách nhiệm vô hạn về TS trong kinh doanh.  
Cty đối nhân thường tồn tại dưới dạng cty hợp danh:   
Cty hợp danh: vd như kinh doanh dịch vụ kế toán thì các thành viên hợp danh phải có chứng chỉ hành nghề và phải chịu trách nhiệm VH về TS trong kinh doanh

+Công ty đối vốn: ko quan tâm đến nhân thân của CSH, chỉ quan tâm họ góp vốn dưới hình thức nào là nội tệ, ngoại tệ, hay TS khác…tỷ lệ góp vốn là bao nhiêu; CSH và các đồng CSH đều chỉ chịu TNHH. VD Cty cổ phần là công ty đối vốn điển hình  
=>cty TNHH 1 hay 2 thành viên trở lên ko phải công ty đối nhân bởi vì ko có CSH nào phải chịu TNVH cả => vì đây là CTKD gắn với TNHH -> ko phải đối nhân cũng ko phải đối vốn

=> cty TNHH 2 thành viên trở lên mang cả đặc điểm của cty đối nhân và cty đối vốn.

1 trong những tính chất của đối nhân là luật quy định thành viên tối đa, phải là những người cùng có khả năng trình độ quản lý kinh doanh => hầu như là gia đình, hoặc những người rất hiểu nhau cùng chung mục đích => cty TNHH 2 thành viên trở lên hầu như là công ty gia đình (là loại hình công ty phổ biến)  
Số lượng thành viên của công ty TNHH không nhiều và các thành viên thường là người quen biết, tin cậy nhau

Các thành viên công ty chỉ chịu trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty

***câu hỏi****: Tại sao cty TNHH 2 thành viên trở lên có tư cách pháp nhân?*-Khái niệm: Cty TNHH 2tv trở lên  
-Khái niệm: Pháp nhân là tổ chức và có 4 điều kiện trong bộ luật dân sự:  
+Được thành lập hợp pháp  
+Có cơ cấu tổ chức thống nhất  
+Có TS độc lập với TS của tổ chức cá nhân khác và tự chịu trách nhiệm TS đó  
+Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật  
Và công ty TNHH 2 tv trở lên thoản mãn 4 điều kiện sau:  
+Cty được thành lập khi được đki=> được cấp giấy chứng nhận đki DN  
+TC quản lý của cty được luật DN quy định  
+Cty có TS độc lập với TS khác của các tv là CSH của cty  
các tv góp TS vào thì phải làm đăng ký chuyển quyền sở hữu  
và cty chỉ chịu TN về các khoản nợ và các nghĩa vụ TS phát sinh mọi hđ của cty bằng TS của cty => CSH là tv của cty chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp/cam kết góp vào cty  
+Cty nhân danh bằng tên gọi của công ty (vd cty TNHH 2 tv trở lên Rồng Bay) tham gia quan hệ PL 1 cách độc lập với CSH (tất nhiên là có thông qua người đại diện hợp pháp theo pháp luật hoặc theo ủy quyền)  
=>Kết luận: Cty thỏa mãn cả 4 điều kiện của pháp nhân => vì vậy nó có tư cách pháp nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Cty TNHH 2 tv trở lên **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ** | |
| Hội đồng thành viên / Chủ tịch HĐTV | |
| Giám đốc/Tổng Giám đốc | Cty TNHH có từ 11 tv trở lên phải thành lập Ban kiểm soát |
|  | + Cty từ 2-10 tv có hoặc ko có ban kiểm soát theo yêu cầu quản trị công ty  + Cty có từ 11 tv trở lên => bắt buộc phải có ban kiểm soát Ban kiểm soát: (ko quản lý cũng ko điều hành) => mà kiểm soát các hoạt động cty, kiểm soát các cơ quan điều hành, các người quản lý điều hành khác của cty (kế toán trưởng, trưởng phòng…) vì lợi ích của tv (CSH) |

***Câu hỏi:*** *Tại sao cứ công ty TNHH 2 tv trở lên nào có từ 11 thành viên trở lên lại bắt buộc có ban kiểm soát?*  
Cơ quan kiểm soát => vì lợi ích của tv  
từ 11 tv trở lên có nghĩa là số thành viên là nhiều => các tv ko có khả năng tự mình kiểm soát hoạt động của cty vì lợi ích của chính tv => có những lợi ích cá nhân khác nhau, có thể có cả lợi ích nhóm nữa => do đó để bảo vệ lợi ích của các tv (trước hết là các tv thiểu số - số phiếu vốn góp ít – ko chi phối được cty – các tv thiểu số ko biểu quyết được)

***Chế độ pháp lý về TS của cty TNHH 2 tv trở lên (6 ý dưới)***1-Vốn điều lệ:   
+là VCSH và được ghi vào điều lệ  
+Đối với cty TNHH 2 tv trở lên: là tổng giá trị phần vốn mà các tv cam kết góp khi thành lập và   
ghi vào điều lệ  
+muốn trở thành tv thì người đó phải có TS, có quyền sở hữu đối với TS là vốn góp  
+TS góp vốn: VNĐ/ngoại tệ/vàng/vật/giấy tờ có giá (chứng khoản, giấy nhận nợ)/Quyền TS (quyền sd đất, quyền sở hữu trí tuệ)/TS khác…  
+Khi góp vốn vào cty thì TS góp vào phải được định giá (trừ VNĐ/ngoại tệ/vàng)  
Định giá TS góp vốn theo nguyên tắc nhất trí (phải được tất cả các tv chấp thuận theo giá được đưa ra kể cả tv đăng ký góp vốn rất ít)  
Nếu trong TH ko nhất trí (1 người phản đối thôi) thì phải thuê 1 tổ chức định giá chuyên nghiệp. thì cái giá đó phải được người kia và đa số tv còn lại chấp thuận  
=>để tránh TH định giá TS cao hơn giá thị trường: Luật quy định thì tất cả các tv phải liên đới góp thêm đủ phần chênh lệch giữa giá thực tế trên thị trường và giá được định ra   
+khi góp vốn vào đều làm thủ tục chuyển quyền sở hữu TS là vốn góp từ thành viên sang công ty  
+Thời hạn góp vốn vào 3 loại cty TNHH 1 tv, 2 tv, Cty cổ phần: Thời hạn góp vốn tối đa 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đki DN  
=> Nếu hết hạn 90 ngày có những tv chưa góp hoặc góp chưa đủ số vốn thì những người đó ko có quyền chuyển nhượng quyền góp vốn cho người khác, mà lúc này **hội đồng tv** mới có quyền chuyển quyền góp vốn đó cho người khác (đối với cty TNHH 2 tv trở lên), hội đồng quản trị mới có quyền chuyển quyền góp vốn đó cho người khác (đối với công ty cổ phần)  
=>trong 1 khoảng thời gian nếu như ko chuyển được cho ai. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết hạn góp vốn (đối với cty TNHH 2 tv trở lên), trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn góp vốn (đối với cty TNHH 1 tv, cty Cổ phần) => cty phải làm thủ tục đăng ký giảm vốn điều lệ tại cơ quan đăng ký DN

2-Tăng giảm vốn điều lệTrong quá trình hoạt động cty có quyền tăng hoặc giảm vốn điều lệ.

***Câu hỏi.*** *Tại sao khi giảm vốn điều lệ khi cty mua lại/hoàn lại phần vốn góp phải có điều kiện? và là điều kiện nào?*

|  |  |
| --- | --- |
| Tăng vốn điều lệ | Giảm vốn điều lệ |
| Tăng vốn điều lệ => Tăng vốn góp của thành viên. Có 3 cách: \_Các thành viên góp thêm vốn vào \_Cty có đủ LNST để chia nhưng ko chia mà dùng để tăng vốn điều lệ \_Nếu ko đủ thì gọi thêm thành viên mới (ko được vượt quá 50 tv) | Cty giảm vốn điều lệ trong 3 TH sau: **+TH1: Các tv ko góp/góp ko đủ số vốn cam kết góp** =>cty phải đăng ký giảm vốn điều lệ  **+TH2: Trong quá trình hoạt động, cty mua lại phần vốn góp của tv theo yêu cầu của tv.** Các tv được cty mua lại phần vốn góp của mình khi đủ 2 đk: \_đk cần: Tv đó phải phản đối trong cuộc họp hội đồng tv: vd thay đổi hoặc hợp nhất cty… mà tv này ko đồng ý \_đk đủ: là đk về mặt tài chính, làm thế nào để bảo đảm khi cty mua lại phần vốn góp đó mà cty vẫn đủ khả năng để trả nợ và thanh toán các nghĩa vụ tài chính khác => nếu như cty ko đủ khả năng tài chính, cty ko được mua lại và tv đó cũng ko có quyền yêu cầu cty mua lại nữa  **+TH3: Cty hoàn lại phần vốn góp cho các tv.** Đủ 2 đk: \_đk 1: cty đã hoạt động được hơn 2 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đki DN \_đk 2: cty ngay sau khi hoàn vốn góp thì phải đủ khả năng tài chính để trả nợ (kể cả đến hạn/chưa đến hạn) |

3-Chuyển nhượng vốn

Tuy nhiên có TH vì 1 lí do nào đó tv cần phải rút vốn về, nhưng lúc này:  
+ko đủ đk để yêu cầu cty hoàn lại  
+và cty cũng ko đủ đk/ko thể hoàn lại vốn góp đó   
=> lúc này tv buộc phải **chuyển nhượng phần vốn góp**   
=> chuyển nhược giữa các tv với nhau thì vốn điều lệ ko thay đổi

Ko phải thích chuyển nhượng cho ai cũng được, mà trước hết tv muốn chuyển nhượng đó phải ***chào bán phần vốn đó với các tv còn lại trong công ty*** ***theo tỷ lệ vốn góp tương ứng*** của từng tv vào vốn điều lệ của cty.   
VD: Bạn góp 10% giống tôi vào cty, thì lúc này tôi chào bán bạn 10% (là 500tr chẳng hạn), và các tv còn lại sẽ mua phần vốn góp của ***tôi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán***  
=>Nếu hết 30 ngày (kể từ ngày chào bán) mà các tv còn lại trong cty ko mua/ko mua hết => thì phần còn lại được ***chào bán cho người khác*** ko là thành viên công ty - chính là chào bán bất kỳ ai mà ko cần hỏi ý kiến ai hết.  
4-Hoàn trả vốn góp

Giảm VĐL  
5-Lưu ý các TH cụ thể

**TH1**: có thành viên (tổ chức/cá nhân) có thể bị giải thể/phá sản/ra đi đột ngột => họ để lại thừa kế phần vốn góp đó cho người khác (có thể theo di chúc/hoặc theo luật) => cái người được nhận thừa kế đó đương nhiên sẽ là tv => nếu như người đó ko muốn làm tv => thì cái phần vốn của người để lại thừa kế thì có thể chuyển nhượng/hoàn lại/yêu cầu cty mua lại.

**TH2:** tv là cá nhân tặng/cho phần vốn góp của mình cho người khác => mà người nhận/người được cho nằm trong 3 hàng thừa kế:  
+vợ/chồng/bố/mẹ/con (kể cả bố mẹ nuôi/con nuôi)  
+ông bà nội ngoại/cháu nội cháu ngoại/anh chị em ruột  
+cụ nội cụ ngoại/chắt nội chắt ngoại/cô chú bác gì/con cô con chú con cậu con gì  
=>Người đó nằm trong 3 hàng thừa kế trên thì họ đương nhiên là tv, nhưng nếu như họ ko muốn làm tv thì người đó cần chào bán/chuyển nhượng/yêu cầu cty mua lại

**TH3**: tv dùng vốn góp để trả nợ cá nhân. Nhưng mà khi dùng vốn góp của mình để trả nợ cho chủ nợ của tv (nợ riêng của tv đó ấy) => thì người nhận nợ chỉ được là tv khi được hội đồng tv chấp thuận, nếu hội đồng tv ko chấp thuận thì cái chủ nợ kia ko được làm tv => do đó lúc này tv phải chuyển nhượng cho các tv khác/yêu cầu cty mua lại hoàn lại => sau đó lấy tiền đó ra để trả nợ  
6-Điều kiện chia LN

Chỉ được chia LN khi có đủ 3 đk:  
\_đk 1: Kinh doanh có lãi  
\_và đk 2: Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác  
\_và đk 3: Bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính đến hạn  
  
  
**2.Công ty TNHH 1 thành viên**

-Là loại DN 1 chủ sở hữu. Tất nhiên CSH là 1 tổ chức/cá nhân có tư cách pháp nhân.  
- CSH chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ TS khác của cty ***trong phạm vi vốn điều lệ*** của cty (ko phải số vốn đã góp/cam kết góp)  
- Ko có quyền phát hành cổ phần. (giống cty TNHH 2 tv trở lên -> cũng có quyền phát hành trái phiếu…)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cty TNHH 1 thành viên **Cơ cấu tổ chức quản lý** | | | |
| **CSH là cá nhân** | **CSH là tổ chức** | | |
| Chủ tịch cty | Hội đồng tv | Kiểm soát viên | Chủ tịch cty |
| Giám đốc/Tổng giám đốc | Giám đốc/Tổng giám đốc | Giám đốc/Tổng giám đốc |

VD1: cty cổ phần 21.5 là CSH của cty TNHH 1 tv 21.5 và cử ra 1 tv làm đại diện  
trong TH cử ra 2,3 người làm đại diện => mô hình tổ chức là mô hình hội đồng tv.   
=> Hội đồng tv thuê GĐ/tổng GĐ để điều hành cty

VD2: DN nhà nước là DN sở hữu 100% vốn điều lệ là cty TNHH 1 tv => có ban kiểm soát

1-Góp vốn  
Nếu hết 90 ngày kể từ ngày đăng ký CSH ko góp đủ vốn điều lệ…  
Trong 30 ngày kể từ ngày hết hạn góp vốn -> cty phải đki giảm vốn điều lệ  
2-Tăng giảm vốn điều lệ  
3-Các vấn đề khác

**3.Công ty cổ phần**

-Vốn điều lệ buộc phải chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần  
=>Cổ phần là các phần bằng nhau trong vốn điều lệ  
-Người sở hữu cổ phần là cổ đông (tổ chức/ cá nhân)  
-Cổ đông tối thiểu phải là 3, ko quy định cổ đông tối đa  
-Cổ đông chỉ chịu TN về các khoản nợ và nghĩa vụ TS khác của DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN  
-Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định khác.  
-Cty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đki DN

-Có quyền phát hành các loại cổ phần để huy động vốn. Còn các loại chứng khoán khác luật ko cấm nhưng mà chỉ được phát hành khi có đủ điều kiện.  
  
=>Cty cổ phần là pháp nhân (thỏa mãn đủ 4 đk pháp nhân)

Mô hình tổ chức quản lý

Có 2 mô hình tổ chức quản lý (lưu ý rõ hỏi mô hình 1 hay mô hình 2 hay cả 2)

|  |  |
| --- | --- |
| Cty cổ phần **mô hình tổ chức quản lý 1** | |
| **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)** - Quyết định những vấn đề quan trọng nhất của cty - Bao gồm các cổ đông sở hữu những loại cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội đồng cổ đông=> có thể có những loại cổ đông sở hữu những cổ phần mà ko có quyền tham dự đại hội đồng (càng ko được biểu quyết) | |
| **Hội đồng quản trị (HĐQT)**  - ĐHĐCĐ bầu các tv trong HĐQT - các tv trong HĐQT đó sẽ bầu ra 1 người làm chủ tịch HĐQT | **Ban kiểm soát (BKS)**  +BKS do ĐHĐCĐ thành lập  +BKS là cơ quan kiểm soát các hoạt động của cty: kiểm soát cơ quan quản lý điều hành, ks hđ của tv HĐQT, ban giám đốc, các hđ của người quản lý khác trong cty (kế toán trưởng, trưởng phòng…) vì lợi ích của các CSH là các cổ đông. + Mô hình 1 bắt buộc có BKS trừ TH cty có dưới 11 cổ đông (3-10 cổ đông) và các cổ đông sở hữu dưới 50% tổng cổ phần cty |
| **GĐ/tổng GĐ** +HĐQT bổ nhiệm 1 tv trong HĐQT hoặc thuê người ngoài (ko phải cổ đông trong cty) làm giám đốc/tổng GĐ  + là người điều hành hoạt động của cty |

***Câu hỏi****: So sánh cty TNHH 1 thành viên và cty TNHH 2 tv trở lên*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Cty TNHH 1 thành viên | Cty TNHH 2 tv trở lên |
| Giống nhau | | -Đều là DN, có đầy đủ các đặc điểm của DN, là tổ chức kinh tế, có TS, có trụ sở, có tên gọi riêng, thực hiện các hđ kinh doanh -Đều là chủ thể kinh doanh gắn với chế độ TNHH về TS trong kinh doanh -Đều có tư cách pháp nhân -Ko được phát hành cổ phần | |
| Khác nhau | Khái niệm |  |  |
| Chủ sở hữu | Là DN 1 chủ | Là DN nhiều chủ nhưng số tv từ 2-50 |
| Cơ cấu tổ chức quản lý | -Nếu cá nhân là CSH/tổ chức làm CSH cử ra 1 người đại diện => thì là mô hình 1 tv -Nếu cử ra từ 2 người đại diện trở lên => mô hình hội đồng tv -từ 11 tv trở lên bắt buộc có ban kiểm soát |  |

***câu hỏi:*** *Tại sao mô hình quản lý thứ 1 của cty cổ phần phải có ban kiểm soát (trừ TH cty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của cty)*-Khái niệm: BKS là cơ quan kiểm soát các hđ của cty cụ thể các hđ của các cơ quan và những người quản lý và điều hành cty cổ phần vì lợi ích của cổ đông  
-Cty cổ phần là cty đối vốn, cty mở ko hạn chế cổ đông tối đa => cổ đông (tổ chức/cá nhân) thông thường là lớn, có những cổ đông góp vốn ít (cổ đông thiểu số) =>do vậy để bảo vệ quyền và lợi ích bình đẳng của các cổ đông: đều có quyền và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần góp vào cty để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông thiểu số   
TH cty có dưới 11 cổ đông (3-10tv) và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của cty =>vì trong TH này số cổ đông là ít, nếu có TH cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% cổ phần, cổ đông là cá nhân sở hữu trên 50% có thể tự kiểm soát được hoạt động của cty vì lợi ích của chính các cổ đông

|  |
| --- |
| Cty cổ phần **mô hình tổ chức quản lý 2**(từ luật DN 2014) |
| **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) -** Vẫn là cơ quan có thẩm quyền cao nhất  - Bầu ra HĐQT |
| **Hội đồng quản trị (HĐQT) -** HĐQT có ít nhât 20% tv là tv độc lập VD. HĐQT có 5 người ít nhất có 1 người là tv độc lập (ko phải cổ đông và ko điều hành cty/hoặc là tv sở hữu rất ít cổ phần ko điều hành cty (ví dụ là chuyên gia tài chính…) - Phải có **ban kiểm toán nội bộ** (trực thuộc HĐQT) |
| **GĐ/tổng GĐ**  HĐQT bổ nhiệm tv trong HĐQT hoặc thuê người khác làm GĐ điều hành hđ cty |

***=> mô hình 2 ko có ban kiểm soát vì:  
ít nhất 20% độc lập trong HĐQT => các tv độc lập này họ phải thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát cùng với ban kiểm toán nội bộ kiểm soát các hđ của cty.***

CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ TS CỦA CTY CỔ PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Cổ phần có những loại nào? | |
| Cổ phần phổ thông (bắt buộc có) | Cổ phần ưu đãi (có thể có) |
|  | +Cổ phần ưu đãi biểu quyết +Cổ phần ưu đãi cổ tức +Cổ phần ưu đãi hoàn lại +Cổ phần ưu đãi khác: ưu đãi vàng, bạc, kim cương… |

***Câu hỏi:*** *So sánh cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi biểu quyết*(đây là yêu cầu ss cổ phần nhé ko phải cổ đông)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Cổ phần phổ thông | Cổ phần ưu đãi biểu quyết |
| Giống nhau | | -Đều là cổ phần trong cty cổ phần, là những phần bằng nhau trong vốn điều lệ -Đều có phiếu biểu quyết =>cổ đông sở hữu cả 2 loại cổ phần này đều được tham dự và có quyền biểu quyết tại ĐHĐ cổ đông, đều có quyền cử người vào BKS… | |
| Khác nhau | Tính bắt buộc | CPPT là bắt buộc phải có trong cty cổ phần | Ko bắt buộc, có thể có hoặc k |
| Người sở hữu | CPPT có thể là tổ chức/cá nhân trừ TH bị cấm  TH bị cấm ít lắm: chỉ những cán bộ công chức ở trong cơ quan trực tiếp quản lý hành chính nhà nước thì bị cấm góp vốn trong lĩnh vực kd mà họ quản lý hđ kinh doanh  VD: làm trong quản lý NN xây dựng thì ko được góp vốn vào cty xây dựng | 2 loại người được sở hữu: +CĐ sáng lập: người thành lập cty Nếu CĐSL mà sở hữu thì chỉ có quyền sở hữu trong 3 năm đầu kể từ khi cty được cấp giấy CN đki DN hết 3 năm đó phải chuyển thành CPPT +Cổ đông Nhà nước: Người được NN giao/ủy quyền vốn NN đầu tư vào kinh doanh, ko bị hạn chế về mặt thời gian ở VN hầu như là ko sử dụng quy định này VD: Ủy ban quản lý vốn NN tại DN |
| Số phiếu biểu quyết | 1 CPPT có 1 phiếu biểu quyết | 1 CPUDBQ có số phiếu biểu quyết > 1 (là bao nhiêu thì do cty xác định) |
| Việc chuyển nhượng | CPPT được tự do chuyển nhượng trừ TH chuyển nhượng CPPT của cổ đông sáng lập trong 3 năm kể từ ngày cty được cấp giấy CN đki DN | Ko được chuyển nhượng |

***Câu hỏi:*** *Tại sao CPPT của cổ đông sáng lập lại hạn chế được chuyển nhượng?*các cổ đông sáng lập cùng nhau sở hữu tối thiểu 20% tổng số CPPT trong thời hạn tối thiểu 3 năm kể từ khi cty được cấp giấy CN đki DN => gắn trách nhiệm nghĩa vụ của CĐSL vào cty cổ phần => CPPT của CĐSL bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm đầu. Các CĐSL chuyển nhượng CPPT cho nhau thôi, còn chuyển nhượng cho người khác khi được sự chấp nhận của ĐHĐ cổ đông

***Câu hỏi:*** *So sánh cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Cổ phần ưu đãi cổ tức | Cổ phần ưu đãi hoàn lại |
| Giống nhau | | -Đều là loại CP ưu đãi => ko bắt buộc phải có -Đều là các loại CP ko có phiếu biểu quyết => cổ đông sở hữu2 loại CP này đều ko được tham dự ĐHĐCĐ, ko được tham gia, cử người bầu người vào HĐQT, BKS | |
| Khác nhau | Khái niệm | Là loại CP có thể có trong cty CP… | là CP có thể có … |
| Cổ tức | Được ưu đãi về cổ tức: +có thể có cổ tức cố định +có 1 khoản cổ tức + thêm 1 khoản cổ tức thường => để đảm bảo cổ tức của CPUDCT nhiều hơn cổ tức của CPPT và CPUDHL | Ko có cổ tức cố định ko được ưu đãi về cổ tức |
| Tính hoàn lại | CPUDCT ko được ưu đãi hoàn lại và đươc hoàn lại sau CPUDHL | CPUDHL được ưu đãi hoàn lại khi xảy ra sự kiện pháp lý trùng với những TH được hoàn lại  VD: nếu cty phá sản mà TS cty đã trả hết cho chủ nợ rồi thì những cổ đông CPUDHL được trả lại trước |

*Cổ phiếu là: hình thức pháp lý của cổ phần  
cổ đông là người sở hữu cổ phần trong cty  
cổ tức là phần LN mà các cổ đông sở hữu cổ phần được hưởng*

cty có nhu cầu tăng vốn đầu tư kinh doanh:  
+tăng VCSH  
+huy động thêm cổ phần:  
+tăng nguồn nợ phải trả

đối với cty CP luật ko cấm phát hành trái phiếu => họ có quyền nhưng chỉ khi có đủ đk

Cổ phiếu và trái phiếu khác nhau ntn?  
đk trả cổ tức (trong tài liệu)

**4.Công ty hợp danh**  
+là 1 DN trong đó ít nhất có 2 tv hợp danh, ngoài tv hợp danh có thể có tv góp vốn

+TV hợp danh bắt buộc là cá nhân, có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh  
còn tv góp vốn có thể là cá nhân/tổ chức

+chỉ có tv hợp danh được hđ nhân danh cty còn tv góp vốn thì ko

+các tv hợp danh phải liên đới chịu TNVH về TS trong kinh doanh  
còn tv góp vốn chỉ chịu TNHH về các khoản nợ trong phạm vi số vốn góp vào cty

+cty hợp danh có tư cách pháp nhân (mâu thuẫn với luật)  
các tv hợp danh liên đới chịu TNVH về TS trong kinh doanh nhưng luật vẫn quy định có tư cách pháp nhân

+Ko được phát hành chứng khoán (trái phiếu, cổ phiếu…)

***Câu hỏi:*** *So sánh tv hợp danh và tv góp vốn trong cty hợp danh*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Thành viên hợp danh | Thành viên góp vốn |
| Giống nhau | | Đều là CSH của cty hợp danh => đều có quyền và nghĩa vụ cơ bản: quyền được hưởng lợi nhuận, quyền được tham gia HĐ tv, nghĩa vụ vd như góp vốn,… | |
| Khác nhau | Khái niệm | Là loại tv bắt buộc phải có trong cty hợp danh là cá nhân có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực cty kinh doanh | Là tv ko bắt buộc có trong cty hợp danh và ko bắt buộc có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực cty kinh doanh |
| Tính bắt buộc | Bắt buộc có SL tối thiểu là 2 | Ko bắt buộc |
| Người là tv | Phải là cá nhân | Là cá nhân hoặc tổ chức |
| Trình độ chuyên môn | Bắt buộc có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực cty kinh doanh | Ko bắt buộc phải có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực cty kinh doanh |
| Hoạt đông nhân danh cty | Chỉ có tv hợp danh mới được hoạt động nhân danh trong cty | Ko đc |
| Phạm vi trách nhiệm TS | Các tv hợp danh phải liên đới chịu TNVH về TS trong kinh doanh | Chỉ chịu TNHH về TS trong kinh doanh |

**5.DN tư nhân**

+Là loại DN 1 chủ và CSH phải là cá nhân và CSH chịu TNVH về TS trong kinh doanh  
Rất khác so với cty TNHH 1 tv:  
CSH có thể là cá nhân/tổ chức còn CSH của DNTN phải là cá nhân  
+Ko có tư cách pháp nhân vì ko thỏa mãn 3/4 đk tư cách pháp nhân:  
\_chỉ thỏa mãn mỗi đk 1 là được thành lập hợp pháp là đc cơ quan đki cấp tỉnh cấp giấy CN đki DN  
\_tổ chức của DNTN hoàn toàn do CSH quyết định  
\_TS của DNTN ko độc lập với TS của chủ DNTN   
\_DNTN ko tự nhân danh mình tham gia quan hệ PL 1 cách độc lập   
=>Chính vì vậy DNTN ko được phát hành bất kỳ chứng khoán nào  
+Một cá nhân chỉ được quyền thành lập 1 DNTN VD: tôi thành lập 1 DNTN thì ko được thành lập 1 DN khác, và ko được là tv hợp danh trong cty hợp danh, và cũng ko đc làm chủ hộ kinh doanh

***Câu hỏi****: Tại sao 1 cá nhân chỉ được quyền thành lập 1 DNTN thì ko được thành lập 1 DN khác, và ko được là tv hợp danh trong cty hợp danh, và cũng ko đc làm chủ hộ kinh doanh?*  
-Khái niệm: DNTN, KN cty hợp danh, hộ kinh doanh  
-Giải thích:  
+Chủ DNTN là cá nhân phải chịu trách nhiệm về tất cả cá khoản nợ và các nghĩa vụ TS phát sinh từ mọi hđ của DNTN bằng toàn bộ TS của mình kể cả TS đầu tư vào DN và các TS khác mà chủ DNTN ko đầu tư vào kinh doanh tại DN.  
+TV hợp danh trong cty hợp danh: chịu TNVH về TS trong kinh doanh  
+Chủ hộ kinh doanh: cũng chịu TNVH về TS trong kinh doanh  
=>Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ nợ và cho khách hàng của cả DNTN, cả cty hợp danh, của hộ kinh doanh thì Luật mới quy định…như trên

+DNTN ko được góp vốn vào để thành lập, ko được mua cổ phần, ko được mua phần vốn góp trong cty TNHH, cty hợp danh và cty cổ phần

***Câu hỏi:*** *Tại sao DNTN ko được góp vốn vào để thành lập, ko được mua cổ phần, ko được mua phần vốn góp trong cty TNHH, cty hợp danh và cty cổ phần?*  
**DTTN khác với chủ DNTN nhé**  
chủ DNTN dc phép có thể góp vốn vào, mua cổ phần/phần vốn góp cty TNHH, cty hợp danh và cty cổ phần  
Nhưng DNTN thì cấm luôn vì:  
-Khái niệm: DN  
DN phải có TS, có tên gọi, có trụ sợ, thực hiện hđ kinh doanh, có vốn đầu tư kinh doanh trước hết là VCSH  
TS của DN trước hết là do CSH góp  
CSH là tổ chức/cá nhân muốn làm CSH thì phải có quyền sở hữu đối với TS là vốn góp thì chuyển quyền đó sang DN hoặc ko chuyển thì có quyền định đoạt tài sản đó để đưa TS đó vào kinh doanh tại DN  
-Khái niệm: DNTN  
DNTN ko có quyền sở hữu đối với TS mà DNTN sử dụng đầu tư vào thực hiện hđ kinh doanh **mà TS mà DNTN đó ấy thuộc quyền sở hữu của chủ DNTN chứ ko phải của DNTN**  
=>DNTN ko được góp vốn để thành lập DN, mà cũng ko được mua…  
Bài làm (chữa bkt1)  
-Nêu được các công ty: TNHH 1tv, 2tv trở lên, cty CP, cty hợp danh => đều là các DN trong đó các tổ chức/cá nhân làm CSH đều làm thủ tục góp vốn chuyển quyền sở hữu từ CSH sang công ty  
-các cty đều phải có vốn điều lệ, vốn điều lệ do các tổ chức/cá nhân là chủ sở hữu góp  
-khi góp vốn csc tổ chức/cá nhân là CSH đều làm thủ tục chuyển quyền sở hữu TS góp vốn từ người góp vốn sang công ty  
-người góp vốn để là CSH của cty phải có TS và có quyền sở hữu đối với TS là vốn góp  
-K/n: DNTN  
-DNTN ko có TS độc lập với TS của CSH, TS mà DN sử dụng đầu tư vào kinh doanh thuộc quyền sở hữu của chủ DNTN  
-DNTN ko có quyền sở hữu đối với TS =>ko thể góp vốn vào cty để thành lập các cty (tất cả các loại cty)  
-KL:

Tổ chức lại DN và giải thể DN

I/Tổ chức lại DN:  
1-Hình thức chia/tách:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Chia DN | Tách DN |
| Giống nhau | | -Đều là hình thức tổ chức lại DN -Sau khi tách hoặc chia SL DN tăng lên -Các DN sau khi đc chia hoặc tách thì quy mô sẽ giảm xuống -Các DN sau khi chia/tách đều liên đới chịu TN… | |
| Khác nhau | Khái niệm | Chia DN: là |  |
| Nội dung/bản chất | Cty bị chia sẽ chuyển toàn bộ phần quyền/nghĩa vụ/TS/người lao động/thành viên/hợp đồng sang cho 2 hoặc nhiều DN khác | Cty bị tách sẽ chuyển 1 phần quyền/nghĩa vụ/TS/người lao động/thành viên/hợp đồng sang cho 1 hoặc nhiều DN mới |
| Hậu quả pháp lý | Sau khi chia xong thì DN bị chia ko còn tồn tại | Sau khi bị tách cty bị tách vẫn tồn tại |
| Thủ tục pháp lý | +DN bị chia phải làm thủ tục xóa tên tại cơ quan đki DN +các DN đc chia phải đki hoạt động tại cơ quan đki DN | +DN bị tách đki lại tại cơ quan đki DN: tên vẫn thế, chỉ có vốn điều lệ/thành viên/(cổ đông)/ngành nghề kinh doanh…thay đổi  +DN đc tách thì phải đki hđ tại cơ quan đki DN |
| VD | cty TNHH 2tv trở lên A chia thành cty TNHH H và cty TNHH G Sau khi chia xong A ko tồn tại nữa, A phải làm thủ tục xóa tên tại cơ quan đki DN, H và G thì đki hđ tại cơ quan đki DN Khi chia thì 1 phần chuyển sang H, phần còn lại chuyển sang G | Cty TNHH A quyết định tách  các DN bị tách này thường là nó đã xây dựng được thương hiệu và muốn giữ lại nên chọn tách chứ ko chọn chia => chỉ 1 phần sang cho cty TNHH V hoặc có thể là cty khác nữa (tách ra làm mấy là quyền của họ) =>Tách xong A vẫn tồn tại, còn những DN đc tách ra thì phải đki hoạt động tại cơ quan đki DN |

2-Hình thức hợp nhất/sáp nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Hợp nhất | Sáp nhập |
| Giống nhau | | -Đều là hình thức tổ chức lại cty -Sau khi HN/SN SL DN giảm -Sau khi HN/SN quy mô các DN đc HN/SN tăng lên -Các DN sau khi HN/SN đều phải liên đới chịu TN về các nghĩa vụ phát sinh… | |
| Khác nhau | Khái niệm |  |  |
| Nội dung/bản chất | Các DN bị HN sẽ chuyển toàn bộ quyền/nghĩa vụ/TS/hợp đồng/người lao động/tv/cổ đông để tạo thành 1 DN mới | DN bị sáp nhập chỉ chuyển 1 phần quyền/nghĩa vụ/TS/lao động/hợp đồng/tv/cổ đông chuyển sang 1 hoặc 1 số DN nhận sáp nhập |
| Hậu quả pháp lý | Các DN bị HN đều chấm dứt sự tồn tại | Sau khi SN, DN bị SN vẫn tồn tại |
| Thủ tục pháp lý | Sau khi Hn, những DN bị Hn làm thủ tục xóa tên tại cơ quan đki DN DN HN phải đki hđ tại cơ quan đki DN | Sauk hi SN xong, DN bị SN ko còn tồn tại nữa =>làm thủ tục xóa tên tại CQDKDN Còn A đki lại thay đổi vốn điều lệ tăng lên, tv/cổ đông tăng lên,… |
| VD | cty cổ phần A và cty cổ phần B hợp nhất vào thành cty cổ phần AB => toàn bộ quyền nghĩa vụ/TS…của cả A và B đều chuyển hết sang AB Sau khi hợp nhất thì cả A,B ko tồn tại nữa | A đang hđ đã xây dựng đc thương hiệu, tên tuổi => vẫn muốn có 1 DN khác họ sáp nhập vào mình B muốn “bám càng” A => B sáp nhập vào A => B phải chuyển toàn bộ TS/…vào A A đki hđ lại, B xóa tên |

3-Hình thức chuyển đổi DN

VD:   
cty TNHH 2 tv trở lên vượt quá 50 tv thì chuyển thành cty CP  
cty TNHH 2 tv trở lên 1 người đi mất chuyển thành cty TNHH 1 tv

# II/Giải thể DN

Trường hợp giải thể (4TH)  
\_TH1: hết thời hạn ghi trong điều lệ  
\_TH2: Theo quyết định chủ CSH  
\_TH3: Ko đủ số tv tối thiểu theo quy định trong thời hạn liên tục 6 tháng  
\_TH4: Bị thu hồi giấy CN đki DN

***Câu hỏi:*** *TH giải thể cty TNHH 2 tv trở lên?(nêu rõ cụ thể mới được điểm)*  
-Hết thời hạn ghi trong điều lệ  
-Theo quyết định của Hội Đồng TV  
-Ko đủ 2 tv tối thiểu trong quy định trong thời hạn liên tục 6 tháng  
-Bị thu hồi giấy CN đki DN

+khi giải thể xong gửi hồ sơ đki DN về cơ quan để làm thủ tục xóa tên

+DN rơi vào TH giải thể nhưng chỉ giải thể khi đủ 2 đk sau:  
\_Đk 1: Về mặt tài chính, vào thời điểm đó DN vẫn đủ khả năng về TC để trả các khoản nợ và các nghĩa vụ về TS  
(Nếu như rơi vào trong TH phá sản thì phải phá sản còn TH khác vẫn phải hđ để trả nợ nhé)  
\_Đk 2: DN không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp…  
(nếu bằng phương thức thương lượng hoặc hòa giải thì vẫn đc giải thể)  
Thứ tự phân chia TS khi giải thể

***Câu hỏi:*** *Tại sao khi DN giải thể phải có đủ đk về TS mà luật vẫn quy định thứ tự phân chia TS?*vì cái thời điểm mà DN giải thể thì phải chốt lại các khoản nợ, tổng TS hiện có của DN lúc đó  
có những khoản DN phải thu nhưng mà chưa thu được hoặc là những khoản phải thu nhưng chưa đến hạn

PHẦN 2: CHỦ THỂ KINH DOANH BỊ ĐIỀU CHỈNH BỞI LUẬT HỢP TÁC XÃ

Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | HTX | Liên hiệp HTX |
| Giống nhau | -Đều là CTKD bị điều chỉnh bởi luật htx -Tổ chức quản lý h là do luật htx quy định  -Đều có đki làm thủ tục đki kinh doanh tại cơ quan đki kinh doanh  … | |
| Khái niệm | HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong HĐ SX, KD, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý HTX | Liên hiệp HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 04 HTX tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong HĐ SX, KD nhằm đáp ứng nhu cầu chung của HTX thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp HTX. |
| Thành viên | Số tv tối thiểu là 7. Có thể là cá nhân/hộ gđ/pháp nhân | số tv tối thiểu là 4, thành viên của liên hiệp HTX phải là HTX |
| cơ quan đki kinh doanh | là tổ chức tín dụng gồm: +quỹ tín dụng nhân dân +ngân hàng htx | cơ quan đki kinh doanh cấp tỉnh cụ thể là phòng đki kinh doanh thuộc sở kế hoạch & đầu tư |
| Nếu là các htx khác ko phải là quỹ tín dụng nhân dân/ngân hàng htx/liên hiệp htx => đki tại cơ quan đki kinh doanh cấp huyện cụ thể là phòng tài chính kế hoạch | |
| bắt buộc có BKS | htx có từ 30 tv trở lên | liên hiệp htx có từ 10tv trở lên |
| Góp vốn | luật htx quy định số vốn góp tối đa của 1 tv ko quá 20% vốn điều lệ của htx | số vốn góp tối đa của htx ko quá 30% vốn điều lệ của lhhtx |

+htx/lhhtx là tổ chức kinh tế tập thể =>các tv góp vốn ít hay nhiều thì mỗi tv đều có 1 phiếu biểu quyết

+Thời hạn để góp vốn vào htx tối đa ko quá 6 tháng kể từ ngày htx/lhhtx đc cấp giấy CN đki hoặc kể từ ngày kết nạp tv mới

\*Điều kiện là thành viên trong HTX/LHHTX:  
+CN là công dân VN/người nước ngoài cư trú hợp pháp tại VN từ 18t trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; HGĐ có người đại diện hợp pháp; cơ quan tổ chức là pháp nhân VN (đối với htx tạo việc làm thì tv chỉ là cá nhân)  
+có nhu cầu hợp tác với các tv và nhu cầu sử dụng sp,dv của htx  
+có đơn tự nguyện gia nhập và tán thành điều lệ của htx  
+góp vốn theo quy định  
+đk khác theo quy định của điều lệ htx đó

\*Điều kiện HTX trở thành thành viên trong LHHTX:  
+có nhu cầu hợp tác với các htx thành viên và có nhu cầu sử dụng sp/dv của LHHTX  
+có đơn tự nguyện gia nhập và tán thành điều lệ của LHHTX  
+góp vốn theo quy định  
+Điều kiện khác theo quy định của điều lệ LHHTX

|  |  |
| --- | --- |
| **tổ chức quản lý trong htx/lhhtx** Htx/lhhtx là pháp nhân tham gia quan hệ PL | |
| **Đại hội thành viên (ĐHtv)** CSH là các tv=> các tv hợp thành Đại Hội Thành Viên, ĐHTV bầu ra các tv trong HĐQT là cơ quan quản lý của htx | |
| **Hội đồng quản trị (HĐQT)**  +chỉ có ***Chủ Tịch HĐQT*** mới là người đại diện theo pháp luật  +HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê GĐ/tổng GĐ điều hành | **Ban kiểm soát (BKS)**  HTX có từ 30tv trở lên LHHTX có từ 10tv trở lên  =>phải bầu BKS |
| **GĐ/tổng GĐ** là người điều hành hoạt động của htx/lhhtx |

Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm:  
-Vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên  
-Vốn huy động  
-Vốn tích luỹ  
-Các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã  
-Các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; được tặng, cho  
-Các nguồn thu hợp pháp khác.  
=>Tài sản của HTX là những tài sản được hình thành từ các nguồn trên

Tài sản không chia của HTX, liên hiệp HTX bao gồm:  
-QSD đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất  
-Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia  
-Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia  
-Vốn, tài sản khác được điều lệ quy định là tài sản không chia.

#### Tăng, giảm VĐL

+VĐL tăng: Đại hội thành viên quyết định tăng mức vốn góp tối thiểu hoặc huy động thêm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên; Kết nạp thành viên, hợp tác xã thành viên mới.  
+VĐL giảm: HTX, liên hiệp HTX trả lại vốn góp cho thành viên, HTX thành viên.

* Trường hợp VĐL giảm mà có thành viên có vốn góp vượt quá mức vốn góp tối đa theo quy định thì phải trả lại phần vốn vượt mức vốn góp tối đa hoặc huy động thêm vốn của thành viên khác hoặc kết nạp thành viên, hợp tác xã thành viên mới để bảo đảm về tỷ lệ vốn góp tối đa theo quy định.
* HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

Trả lại vốn góp  
+Việc trả lại vốn góp cho thành viên, hợp tác xã thành viên chỉ được thực hiện sau khi hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đã quyết toán thuế của năm tài chính và bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.  
+Thành viên, hợp tác xã thành viên chỉ được trả lại vốn góp sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.  
Tổ chức lại và giải thể htx

Phần 3: hộ kinh doanh được điều chỉnh bằng Nghị định

Hộ kinh doanh

-Khái niệm: là CTKD có thể do 1 cá nhân hoặc 1 nhóm người/hộ gia đình làm chủ.  
-Đặc điểm:  
+chỉ được kinh doanh tại 1 địa điểm   
+khi mà họ đki kinh doanh thì họ phải làm hồ sơ để gửi lên đki cơ quan cấp huyện (Phòng tài chính kế hoạch của huyện đấy)  
+Sử dụng dưới 10 lao động (có thể đi thuê hoặc gồm cả chủ) => trên 10 lao động thì chuyển sang kinh doanh dưới hình thức DN/htx  
+ko có con dấu  
+Chủ hộ kinh doanh chịu TNVH về TS, hộ kinh doanh gắn với TNVH về TS trong kinh doanh

Quy chế pháp lý về đăng ký kinh doanh:  
+Cá nhân thành lập và tham gia góp vốn thành lập hộ kinh doanh không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.  
+Đối với hộ kinh doanh buôn chuyến, kinh doanh lưu động thì phải chọn một địa điểm cố định để đăng ký hộ kinh doanh. Địa điểm này có thể là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi đăng ký tạm trú hoặc địa điểm thường xuyên kinh doanh nhất, nơi đặt địa điểm thu mua giao dịch. Hộ kinh doanh buôn chuyến, kinh doanh lưu động được phép kinh doanh ngoài địa điểm đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đăng ký trụ sở và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh.

***Câu hỏi:*** *Những CTKD gắn với chế độ TNHH về TS trong kinh doanh? Giải thích tại sao?*Những CTKD đó là: cty TNHH 2tv trở lên, TNHH 1 tv, cty CP, HTX/LHHTX  
Vì các CTKD này đều có đầy đủ:  
+các CTKD này có TS độc lập với TS khác của CSH/các tv/ cổ đông/ tv htx  
+Tự chịu TN về tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ TS phát sinh trong phạm vi số vốn của chính CTKD đó

***Câu hỏi:*** *những CTKD gắn với chế độ TNVH về TS trong kinh doanh? Tại sao?*Là: cty hợp danh, DNTN, hộ kinh doanh  
Vì:  
+Đối với DNTN và hộ kinh daonh thì: CSH của CTKD đó phải chịu tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ TS phát sinh bằng toàn bộ TS của CSH  
+Còn cty hợp danh thì: các tv hợp danh phải liên đới chịu trách nhiệm …bằng toàn bộ TS của tv  
Vì chỉ cần có ít nhất 1 tv chịu TNVH về TS trong kinh doanh thì CTKD đó gắn với chế độ TNVH về TS trong kinh doanh mà cty hợp danh lại có ít nhất 2 tv hợp danh nên nó thỏa mãn

***Bài tập tình huống***Anh Phương, chị Lan và ông Thắng (ông Thắng là chủ DNTN “Thắng”) quyết định thành lập cty TNHH 2 tv trở lên “Lan Thắng”, với thỏa thuận:  
+Anh Phương góp vốn bằng quyền sử dụng đất, được các tv nhất trí định giá: 2 tỷ đồng  
+Chị Lan góp vốn bằng ô tô mang tên chị Lan, các tv nhất trí định giá: 2 tỷ đồng  
+Chủ DNTN “Thắng” góp vốn bằng tiền Việt Nam 3 tỷ  
***Yêu cầu***:  
1-Những thủ tục nào phải thực hiện nếu khi hết thời hạn góp vốn mà Chủ DNTN “Thắng” chỉ góp vào công ty “Lan Thắng” 1 tỷ?  
-Nếu là DNTN thì ko được góp vốn, còn ở đây là chủ DNTN có quyền góp vốn  
-***Có thể thời hạn góp vốn do các thành viên thỏa thuận, nếu như ko có thỏa thuận thì thời hạn góp vốn tối đa ko quá 90 ngày kể từ ngày cấp giấy CN đki DN.***  
-Nếu như hết thời hạn góp vốn, thì 2 tỷ này HĐTV có quyền chuyển nhượng quyền góp vốn cho tv khác***, trong thời hạn 60ng kể từ ngày hết hạn góp vốn*** mà ông Thắng ko góp đủ, cty phải làm thủ tục đki giảm vốn điều lệ tại cơ quan đki DN và làm lại DS tv và số vốn góp của tv  
  
2-Giả sử các TS góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế thì bị xử lý ntn? Tại sao?  
thì các tv ***phải liên đới góp thêm tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mình*** sao cho đủ phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của TS đó trên thị trường với phần định giá.  
Tại vì: các tv khi góp vồn bằng các TS phải định giá thì trước hết các TS được định giá theo ***nguyên tắc nhất trí*** (tất cả các tv phải nhất trí, chỉ cần 1 tv ko nhất trí thì ko được định giá), nếu như có tv ko nhất trí thì phải thuê tổ chức định giá thì giá đó phải được chính tv đó và đa số tv còn lại nhất trí.

***CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT hợp đồng***

I/Những vấn đề chung về Hợp đồng và pháp luật hợp đồng  
II/Hợp đồng mua bán hàng hóa

I/Những vấn đề chung về Hợp đồng và pháp luật hợp đồng

|  |  |
| --- | --- |
| Khái niệm HĐ | Hợp đồng: là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên |
| Đặc điểm HĐ | -Là sự thỏa thuận giữa các bên -Sự thỏa thuận đó là cơ sở pháp lý/căn cứ làm phát sinh/xác lập/thay đổi/chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên |
| Phân loại HĐ | Quy định chung là Bộ luật Dân sự =>Phân loại hợp đồng để tìm nguồn luật điều chỉnh riêng cho từng loại HĐ  1-Căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong HĐ: + Hợp đồng mua bán tài sản  + Hợp đồng trao đổi tài sản  + Hợp đồng tặng cho tài sản  + Hợp đồng vay tài sản  + Hợp đồng thuê tài sản  + Hợp đồng mượn tài sản… VD: HĐ xây nhà để mua bán nhà => điều chỉnh bằng luật thương mại, luật nhà ở, luật bất động sản, luật xây dựng…  2-Căn cứ vào tính chất quốc tế: + Hợp đồng có yếu tố nước ngoài  + Hợp đồng không có yếu tố nước ngoài |
| Giao kết HĐ | Nguyên tắc giao kết là các tư tưởng chỉ đạo mà khi giao kết các bên cần phải tuân theo Gồm: +Nguyên tắc 1: Tự do giao kết hợp đồng nhưng ko được trái PL, đạo đức XH +Nguyên tắc 2: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng  HĐ sau khi giao kết: +có hiệu lực về mặt pháp lý +có tính khả thi |
| Chủ thể giao kết HĐ | \* Chủ thể hợp đồng  \* Người giao kết HĐ:  Người giao kết: là người đại diện theo PL đương nhiên, hay đại diện ủy quyền |
| Hình thức HĐ | Các hình thức HĐ:  + Văn bản, thậm chí là văn bản có công chứng và chứng thực  + Lời nói  + Hành vi |
| Nội dung HĐ | ***Điều khoản chủ yếu:***  +bắt buộc phải có trong HĐ được quy định trong bộ luật dân sự  +Các điều khoản chủ yếu do pháp luật quy định cho từng loại hợp đồng chuyên biệt VD: hợp đồng thương mại thì được luật thương mại quy định ***Điều khoản thường lệ Điều khoản khác***  + Không nhất thiết phải được thoả thuận  + Việc thoả thuận không trái quy định của pháp luật |
| Thủ tục giao kết HĐ | Giao kết trực tiếp:  Giao kết gián tiếp: |
| Thời điểm giao kết HĐ | Về nguyên tắc, HĐ được giao kết vào thời điểm các bên đạt được sự thỏa thuận.   * HĐ được giao kết trực tiếp bằng văn bản: Thời điểm giao kết HĐ là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản * HĐ được giao kết gián tiếp bằng VB (thông qua các tài liệu giao dịch): Thời điểm đạt được sự thỏa thuận được xác định theo thuyết "tiếp nhận” (HĐ được giao kết khi bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết) * HĐ được giao kết bằng lời nói: là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của HĐ. Các bên có thể sử dụng những biện pháp, chứng cứ hợp pháp để chứng minh việc "các bên đã thỏa thuận" * Sự im lặng của bên được đề nghị cho đến khi hết thời hạn trả lời cũng có thể là căn xác định hợp đồng đã được giao kết, nếu có thoả thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng.   Hợp đồng được giao kết hợp pháp ***có hiệu lực từ thời điểm giao kết***, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác |
| Điều kiện có hiệu lực của HĐ (4đk) | đk 1: chủ thể phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự phù hợp với HĐ đk 2: Chủ thể tham gia HĐ hoàn toàn tự nguyện, 1 bên ko tự nguyện thì HĐ đó vô hiệu đk 3: Mục đích và nội dung của HĐ ko vi phạm điều cấm của Luật (“Luật” nhé, trong GT ghi pháp luật là sai nhé) đk 4: Hình thức của HĐ là điều kiện có hiệu lực của HĐ trong TH Luật có quy định, nếu HĐ ko có đk đó thì sẽ bị vô hiệu |
| Pháp luật về thực hiện HĐ | \*Nguyên tắc thực hiện HĐ: - Tại sao VD nguyên tắc 1 khi thực hiện HĐ tại sao phải thực hiện đúng? - Nội dung nguyên tắc này ntn - Phân biệt được nguyên tắc thực hiện và nguyên tắc giao kết HĐ |
| ***Các biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ*** | Hiện nay theo Bộ Luật Dân sự 2015 có 9 biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ:  1.Cầm cố tài sản 2. Thế chấp tài sản 3. Đặt cọc  4. Ký cược 5. Ký quỹ 6. Bảo lưu quyền sở hữu (mới) 7. Bảo lãnh 8. Cầm giữ tài sản (mới) 9. Tín chấp  \*Nội dung của các biện pháp:  (1)Cầm cố TS: bên cầm cố giao TS thuộc sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố để thực hiện nghĩa vụ. (2)Thế chấp TS: bên thế chấp dùng TS thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp và ko chuyển giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp. (3)Đặt cọc: 1 bên giao cho bên kia 1 khoản tiền or kim khí, đá quý or 1 vật có giá trị trong 1 thời hạn để bảo đảm giao kết or thực hiện hợp đồng (4)Kí cược: đc AD trong TH thuê TS là động sản VD đi thuê xe máy/oto thì người cho thuê thỏa thuận yêu cầu bạn đạt 1 khoản tiền là kí cược (5)Ký quỹ: là việc bên có nghĩa vụ gửi một khoản tiền hoặc vật có giá trị khác vào tk phong tỏa tại ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (6)Bảo lưu quyền sở hữu: đc AD trong quá trình thực hiện HĐ mua bán hàng hóa, HĐ mua bán hh là HĐ gắn với việc chuyển giao quyền sở hữu hh từ người bán sang người mua khi người bán giao hàng cho người mua; quyền sở hữu là 3 loại quyền: quyền chiếm hữu quyền sử dụng quyền định đoạt có những HĐ mua bán hh mà trong đó 2 bên thỏa thuận với nhau là bên bán giao hàng sau đó bên mua mới trả tiền, hoặc bên mua còn lại 1 phần tiền trả sau, bán hàng trả góp, trả sau  khi bên bán rồi nghĩa là đã chuyển quyền sở hữu rồi nhưng mà đến thời hạn trả tiền mà bên mua ko trả tiền => để bảo vệ quyên và lợi ích hợp pháp của bên bán các bên có thể AD biện pháp bảo lưu quyền sở hữu: hh của bên bán chỉ được chuyển quyền sở hữu từ bên bán sang bên mua sau khi bên mua đã trả đủ tiền cho bên bán, hết thời hạn bên bán có thể có quyền định đoạt hh của mình (lấy lại hoặc...) (7)Bảo lãnh: bên bảo lãnh cma kết với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh nếu khi đến hạn mà bên đc bảo lãnh ko thực hiện được or thực hiện ko đúng nghĩa vụ  (8)Cầm giữ TS: trong đó bên cầm giữ TS (bên có quyền) nắm giữ hợp pháp  trong TH bên có nghĩa vụ ko thực hiện/thực hiện ko đúng nghĩa vụ  VD: có người đưa xe máy đi sửa ở gara và khi đưa xe máy đến sửa trong TH họ hẹn ngày, họ đưa 1 giấy báo giá hẹn ngày, theo đúng hẹn mà người đi sửa xe ko đến lấy xe về, lúc này bên sửa chữa có quyền xử lý chiếc xe đó, hoặc lấy tiền gửi xe để tránh TH cứ để đó vô thời hạn (9)Tín chấp: là việc tổ chức chính trị - xã hội, 9 tổ chức đó họ được dùng uy tín của tổ chức đó để bảo đảm cho thành viên của tổ chức bảo đảm cho vay vốn để sử dụng tiền vay để sx, chăn nuôi trồng trọt góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo  \*Do Pháp luật NN quy định và hiện nay theo Bộ Luật Dân sự nhưng có thực hiện hay ko là do các bên thỏa thuận, PL ko bắt buộc, nhưng nếu đã thỏa thuận thì phải theo PL \*BP 1-8 trong slide là các biện pháp mà bên có nghĩa vụ dùng TS để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ HĐ và biện pháp thứ 9 tín chấp là biện pháp ko dùng TS  **Câu hỏi:** trong đó BP cầm cố và thế chấp TS giống và khác nhau ở chỗ nào?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | | Cầm cố TS | Thế chấp TS | | Giống nhau | | +Đều là BP về TS để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ HĐ +Bên có nghĩa vụ dùng TS là động sản/BĐS để cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền +Các bên thỏa thuận với nhau về xử lý TS cầm cố hay TC nếu khi hết thời hạn mà bên có nghĩa vụ ko thực hiện đc nghĩa vụ đối với bên có quyền... +Đều phải lập thành văn bản – hoặc có thỏa thuận riêng bằng vb | | | Khác | KN | bên cầm cố giao TS thuộc sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố để thực hiện nghĩa vụ | bên thế chấp dùng TS thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp và ko chuyển giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp | | Bản chất | bên có nghĩa vụ dùng TS của mình để bảo đảm thực hiện đối với bên có quyền bằng việc chuyển giao TS của mình cho bên có quyền giữ -> chuyển quyền chiếm hữu TS (quyền nắm giữ và quản lý TS) | bên có nghĩa vụ dùng TS của mình để bảo đảm thực hiện đối với bên có quyền nhưng ko giao TS và ko giao quyền chiếm hữu TS của mình cho bên có quyền giữ | |
| Sửa đối HĐ, chấp sứt HĐ, hủy bỏ HĐ – tự học | Khi HĐ bị hủy bỏ thì HĐ ko có hiệu lực từ thời điểm giao kết  VD: Ngày 2/12/2019 cty CP A giao kết HĐ mua bán hh với cty CP B Ngày 2/3/2020 HĐ bị hủy bỏ => quay trở lại ban đầu coi như ko có HĐ đó thì HĐ ko có hiệu lực từ ngày 2/12/2019  Bên nào đã giao cho nhau cái gì thì phải trả lại cái đó, nếu ko trả lại được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền, bên nào gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường |
| Trách nhiệm pháp lý do vi phạm HĐ | Vi phạm điều khoản đã cam kết trong HĐ => phải chịu trách nhiệm pháp lý - Là hậu quả bất lợi mà bên có hành vi vi phạm phải gánh chịu trước bên bị vi phạm  VD: bên bán giao hàng cho bên mua ko đúng chất lượng/thời gian - Đây là trách nhiệm của các bên trong cùng 1 quan hệ HĐ |
| **Các hình thức trách nhiệm pháp lý do vi phạm HĐ** | 3 hình thức: (1) HT trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện HĐ:  +buộc thực hiện đúng nghĩa vụ HĐ +buộc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ HĐ  => 2 HT: Phạt vi phạm HĐ và bồi thường thiệt hại đều là HT trách nhiệm TS do vi phạm HĐ (2) Phạt vi phạm HĐ:  +là sự thỏa thuận giữa các bên trong HĐ, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp 1 khoản tiền cho bên bị vi phạm  +ĐK áp dụng: là có thỏa thuận trong HĐ, nếu khi giao kết HĐ ko có thỏa thuận về phạt thì ko được áp dụng +Mức phạt: do các bên thỏa thuận Nếu là HĐ kinh doanh thương mại thì trong luật TM quy định mức phạt tối đa ko quá **8%/Giá trị phần nghĩa vụ HĐ bị vi phạm** (chứ ko phải Giá trị HĐ nhé)=> các bên có quyền thỏa thuận bằng hoặc nhỏ hơn 8% (3) Bồi thường thiệt hại  +Là hậu quả bất lợi về mặt TS mà bên có hành vi vi phạm HĐ  +HĐ mua bán hh nói riêng hay HĐ kinh doanh thương mại nói chung thì bồi thường thiệt hại ko cần có thỏa thuận nhưng bồi thường chỉ được AD khi đủ cả 3 căn cứ: \_Có hành vi vi phạm HĐ \_Có thiệt hại thực tế xảy ra: tại cái thời điểm thực tế phải tính được thiệt hại bằng tiền \_Có mgh nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế +Mức bồi thường: các bên có quyền thỏa thuận mức bồi thường, trong TH ko thỏa thuận được thì bên kia phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, có thể thỏa thuận thấp hơn nhưng ko vượt quá mức thiệt hại gây ra |
| CÁC TH MIỄN TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ DO VI PHẠM HĐ | +Các trường hợp do các bên thỏa thuận  +Sự kiện bất khả kháng: nhưng phải chứng minh được là mình ko có lỗi +Vi phạm HĐ là hoàn toàn do lỗi của bên kia +Do thực hiện quyết định của cơ quan NN có thẩm quyền mà các bên ko thể biết được vào thời điểm giao kết HĐ |
| HĐ VÔ HIỆU VÀ XỬ LÝ HĐ VÔ HIỆU | +Là sự thỏa thuận của các bên ko thỏa mãn những đk có hiệu lực của HĐ, ko làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa họ +Gồm:  HĐ vô hiệu toàn bộ HĐ vô hiệu từng phần  + Các trường hợp HĐ vô hiệu - Nội dung của HĐ vi phạm điều cấm của PL, đạo đức XH  - Do giả tạo.  - Người giao kết, thực hiện HĐ ko có/bị hạn chế năng lực HVDS  - HĐ đc giao kết do bị lừa dối, đe dọa  - HĐ ko tuân thủ quy định về hình thức.  + Đặc điểm của HĐ vô hiệu - Các bên giao kết hợp đồng có hành vi vi phạm pháp luật;  - HĐ giao kết nhưng không được thừa nhận là có hiệu lực pháp lý;  - Quyền và nghĩa vụ của các bên không phát sinh trên cơ sở HĐ;  - Các bên giao kết hợp đồng vô hiệu phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.  + Các hình thức trách nhiệm  + Xử lý HĐ vô hiệu - HĐ vô hiệu ko làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm xác lập.  - Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những TS đã nhận.  - Khi kí HĐ vô hiệu (mua bán ma túy...) mang lại 1 khoản tiền thì thu nhập đó là bất hợp pháp => thu nhập đó phải nộp và ngân sách NN |

***Câu hỏi:*** *Dấu hiệu của HĐ có yếu tố nước ngoài? Nguồn luật điều chỉnh là luật nào?*

***Câu hỏi:*** *Tại sao được tự do giao kết hợp đồng nhưng ko được trái PL, đạo đức XH?*

VD1: Cty CP A và cty CP B  
Ngày 2/3/2020 cty A gửi cho cty B  
Ngày 6/3/2020 cty B nhậnđc dự thảo hđ mà bên A gửi và kí vào đsó sau đó bên B thỏa thuận bàn bạc xem xét, B chấp nhận toàn bộ nội dung trong hđ và đến ngày 25/3/2020 thì B kí hđ và gửi bản hợp đồng đó trở lại cho A  
Và ngày 28/3/2020 thì A nhận dc bản hđ mà B đã kí và gửi lại cho mình  
=>trong TH này thì hđ đc giao kết vào ngày 28/3/2020

VD2: Ngày 2/3/2020 cty A gửi dự thảo hđ cho B  
6/3/2020 B nhận đc dự thảo do A gửi nhưng mà các bên có thỏa thuận với nhau là kể từ khi cái bên nhận đc dự thảo cho đến hết 10 ngày mà cái bên nhận dc dự thảo ko trả lời gì ko phản đồi ko thể hiện gì ko kí hợp đồng để gửi lại cho bên kia thì coi như bên đó đã chấp nhận toàn bộ => từ ngày 17/3/2020 hết ngày 16/3/2020

VD: ngày 10/2/2020 các bên giao kết hợp đồng nhưng thấy rằng ngày 10/2 là ngày ko đẹp nên thỏa thuận ngày 16/2/2020 thì hđ có hiệu lực => PL tôn trọng sự thỏa thuận của các bên  
VD: kí hợp đồng mua nhà ngày 10/6/2019 bên sau cùng kí bằng văn bản nhưng hđ chưa có hiệu lực đâu vì chưa có công chức, chứng thực. Khi nào chứng thực xong thì hợp đồng mới có hiệu lực  
***Câu hỏi:*** *Cho VD về 1 hợp đồng ko có hiệu lực và giải thích tại sao?*Điều kiện có hiệu lực của HĐ:   
đk 1: chủ thể phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự phù hợp với HĐ  
đk 2: Chủ thể tham gia HĐ hoàn toàn tự nguyện, 1 bên ko tự nguyện thì HĐ đó vô hiệu  
đk 3: Mục đích và nội dung của HĐ ko vi phạm điều cấm của Luật (“Luật” nhé, trong GT ghi pháp luật là sai nhé)  
đk 4: Hình thức của HĐ là điều kiện có hiệu lực của HĐ trong TH “Luật” có quy định, nếu HĐ ko có đk đó thì sẽ bị vô hiệu

***Câu hỏi:*** *Tại sao để HĐ có hiệu lực thì chủ thể phải có năng lực hành vi dân sự?*Khái niệm HĐ  
Khái niệm: Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự  
Giải thích:  
Vì quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ HĐ là quyền và nghĩa vụ pháp lý => thì họ phải có năng lực hành vi dân sự để:  
+có khả năng nhận thức được khi tham gia QH HĐ họ có quyền và nghĩa vụ pháp lý nào  
+Có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý đó  
+có khả năng nhận thức hậu quả pháp lý khi tham gia quan hệ HĐ  
+có khả năng gánh chịu hậu quả pháp lý khi tham gia quan hệ HĐ

***Câu hỏi:*** *Tại sao để HĐ có hiệu lực thì chủ thể phải có năng lực pháp luật dân sự?*Khái niệm HĐ  
Khái niệm: [Năng lực pháp luật dân sự](https://lawkey.vn/nang-luc-phap-luat-dan-su-cua-ca-nhan/)**là** khả năng được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý   
Giải thích:   
Vì quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ HĐ là quyền và nghĩa vụ pháp lý => các bên trong quan hệ HĐ có quyền & nghĩa vụ pháp lý => để hưởng được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý => chủ thể phải có năng lực pháp luật

*=>****Câu hỏi:*** *Tại sao để HĐ có hiệu lực thì chủ thể phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự?* (tổng hợp của 2 trả lời trên)

***Câu hỏi:*** *Tại sao HĐ có hiệu lực thì các bên phải hoàn toàn tự nguyện?*Khái niệm: Tự nguyện là các bên trong quan hệ HĐ hoàn toàn xuất phát từ ý chí của các bên, thỏa thuận với nhau ko bên nào ép bên nào và cũng ko có bên thứ 3 nào ép buộc  
HĐ có hiệu lực thì các bên phải hoàn toàn tự nguyện - Lí do:  
+Trong điều kiện kinh tế thị trường, các bên trong quan hệ HĐ, các bên tham gia có địa vị pháp lý bình đẳng  
+Các bên chủ thể tham gia quan hệ HĐ đều có quyền tự định đoạt -> họ định đoạt họ có tham gia QH HĐ hay là ko  
+Các bên tham gia QH HĐ đều có quyền tự chủ -> họ hoàn toàn làm chủ, xuất phát từ ý chí của họ  
***Câu hỏi*:** So sánh phạt vi phạm HĐ và bồi thường thiệt hại?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Phạt vi phạm HĐ | Bồi thường thiệt hại |
| Giống | | +Đều là trách nhiệm pháp lý về TS trong QHHĐ +Trách nhiệm của các bên trong cùng 1 QHHĐ | |
| Khác | Khái niệm | là sự thỏa thuận giữa các bên trong HĐ, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp 1 khoản tiền cho bên bị vi phạm | Là hậu quả bất lợi về mặt TS mà bên có hành vi vi phạm HĐ |
| Đk AD | Bắt buộc có thỏa thuận ghi trong HĐ từ khi giao kết HĐ | Ko bắt buộc phải có thỏa thuận |
| Căn cứ AD | 1 căn cứ: có hành vi vi phạm HĐ đã giao kết | Có đủ 3 căn cứ là: +có hành vi vi phạm +có thiệt hại thực tế +có mqh nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế |
| Mục đích | Nhằm nâng cao ý thức thực hiện PL và kỷ luật HĐ của các bên trong QHHĐ | Nhằm bủ đắp tổn thất cho bên bị thiệt hại |

1 loại HĐ chuyên biệt rất phổ biến: HĐ mua bán hàng hóa

KN: là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên, theo đó người bán chuyển quyền sở hữu hh cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán

Đặc điểm riêng: ngoài các đặc điểm chung của HĐ ra thì:   
+các bên phải là thương nhất hoặc ít nhất 1 bên là thương nhân  
Thương nhân: là tổ chức/cá nhân thực hiện các hành vi thương mại và có đăng ký kinh doanh  
VD về thương nhân: là 4 lọai cty và 1 DNTN , htx/lhhtx, hộ kinh doanh  
+Đối tượng của HĐ mua bán hh phải là hh  
HH là: ko phải là đất vì chủ sở hữu đất của dân do NN làm đại diện nên ko bao giờ có HĐ mua bán đất   
+Gắn liền với quyền chuyển giao hh từ người bán sang người mua

Các HĐ chuyên biệt thì ko có câu hỏi riêng đâu mà chỉ có câu hỏi chung thôi

**Chương 4: Pháp luật phá sản**

Phá sản là gì?  
Nội dung của pháp luật phá sản?  
+Các trình tự giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản  
+Hình thức phá sản của tổ chức tín dụng  
+Phá sản với tổ chức có yếu tố nước ngoài  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

I/Phá sản

+Khái niệm: PS là hiện tượng khách quan trong kinh tế thị trường, là tình trạng của DN/htx mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản

+4 loại cty, 1DN, htx/lhhtx đều có thể bị PS =>Chỉ có hộ kinh doanh chỉ có chấm dứt hoạt động kinh doanh thôi, ko có phá sản nhé

***Câu hỏi:*** *Vì sao PS là hiện tượng khách quan trong KTTT?*vì chủ thể kinh doanh trong KTTT đều chịu quy luật khách quan, đó là luật cạnh tranh…  
Quan hệ PS là quan hệ khách quan phổ biến

Khi có đủ 2 dấu hiệu thì DN/htx phá sản:  
+Mất khả năng thanh toán  
+Bị tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản

***Câu hỏi:*** *Như thế nào là mất khả năng thanh toán?*Mất khả năng thanh toán: là tình trạng DN/htx ko thanh toán trong khoảng thời gian 3 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn  
=>Ko thanh toán các khoản nợ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn => Nếu hết 3 tháng thì DN mà ko trả được nợ thì DN/htx mất khả năng thanh toán => bị tòa án nơi thẩm quyền ra quyết định ***mở thủ tục giải quyết PS*** => ***có thể*** DN/htx đó bị TAND ra quyết định tuyên bố PS  
**VD:**   
Đến ngày 20/12/2019 cty CP A có tình hình sau:  
- Nợ ngân hàng TM 1: 2 tỷ (Có TS trị giá 2,5 tỷ bảo đảm)  
Đến hạn thanh toán là ngày 15/8/2019  
- Nợ ngân hàng TM 2: 1 tỷ (có TS bảo đảm trị giá 600tr)  
Đến hạn thanh toán là ngày 10/9/2019   
- Nợ cty TNHH D: 800tr (ko có bảo đảm)  
Đến hạn thanh toán là ngày 5/7/2019  
- Nợ DNTN C: 500tr (ko có bảo đảm)  
Đến hạn thanh toán là ngày 12/10/2019 - Nợ lương bảo hiểm XH, BHYT của người lao động: 700tr từ tháng 9/2019  
Hỏi:   
1-Công ty CP A có bị mất khả năng thanh toán ko? Tại sao?  
Chỉ cần 1 khoản nợ đến hạn mà cty ko thanh toán thì cũng bị coi là mất khả năng thanh toán  
2-Cty CP A có bị phá sản ko? Tại sao?  
Cty CP A chưa bị PS vì trong 2 DH của PS thì cty CP A mới có DH thứ 1

4 vai trò của PLPS mà người ta có thể tách ra làm nhiều câu hỏi  
+PLPS bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ nợ, là cơ sở pháp lý để các chủ nợ thực hiện việc đòi nợ 1 cách hợp pháp  
+Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho DN/htx tạo cơ hội phục hồi hđ kinh doanh, nếu ko phục hồi thành công thì rút khỏi thương trường 1 cách hợp pháp  
+Bảo vệ lợi ích cho người lao động  
+PLPS góp phần tạo động lực cạnh tranh, cơ cấu lại nền kinh tế

VD: Mỗi 1 loại chủ nợ PLPS bảo vệ phù hợp   
 Đối với CN ko có bảo đảm/bảo đảm 1 phần: Khi mà DN/htx mắc nợ họ, mất khả năng thanh toán =>thì chủ nợ này có thể gửi đơn yêu cầu đến TAND để mở yêu cầu thủ tục PS; có quyền tham gia hội nghị chủ nợ, hội nghị chủ nợ đưa ra kết luận nào thì TAND giải quyết như thế  
Khi TA ra quyết định PS: thì cái phần nợ đó sẽ được thanh toán trước CSH  
=>Cấm thành lập quản lý DN: chủ DN người quản lý điều hành DN/htx bị tòa án ra quyết định tuyên bố PS đồng thời cấm thành lập qly DN trong 1 thời gian  
[lethithanhhvtc@yahoo.com](mailto:lethithanhhvtc@yahoo.com)

Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản  
  
Câu hỏi: Bình luận: các DN bị tòa án ra qđ mở thủ tục giải quyết PS đều phải trải qua tất cả các quyết định về thủ tục tuyên bố PS?  
và chứng minh được:  
=>thủ tục giải quyết PS là thủ tục đòi nợ tập thể  
=> thủ tục giải quyết PS là thủ tục tố tụng đặc biệt

Thủ tục 1: Nộp đơn, thụ lý đơn yêu cầu  
Bị mất khả năng thanh toán thì TAND nơi có thẩm quyền chỉ mở thủ tục giải quyết PS khi có đơn yêu cầu  
Nếu ko có đơn yêu cầu, TA ko có quyền ra quyết định mở thủ tục giải quyết PS  
Nộp đơn và thụ lý đơn yêu cầu, mở thủ tục phá sản  
2-Hội nghị chủ nợ  
3-Phục hồi hoạt động kinh doanh/Tuyên bố phá sản  
4-Thi hành quyết định tuyên bố DN/HTX phá sản

***Câu hỏi:*** *Tại sao TA chỉ mở thủ tục giải quyết PS đối với DN/htx mất khả năng thanh toán khi có đơn yêu cầu?*- TA là cơ quan NN nhân danh quyền lực NN có thẩm quyền đối …với DN/htx mất khả năng thanh toán  
- TA chỉ được mở thủ tục khi có đơn yêu cầu.  
- Đơn này là do người có quyền hoặc có nghĩa vụ gửi.  
- TA chỉ mở thủ tục giải quyết PS đối với DN/htx mất khả năng thanh toán khi có đơn yêu cầu vì:  
+DN/htx bị mất khả năng thanh toán với các chủ nợ có địa vị pháp lý bình đẳng => vì vậy PL PS đ/c tôn tọng ý chí của các bên, tôn trọng sự thỏa thuận của các bên (vì các bên có nên cso quyền thỏa thuận với nhau)  
VD: các bên tỏa thuận gia hạn nợ hoặc hoãn nợ xóa nợ => DN/htx quay trở lại tình trạng chưa mất khả năng thanh toán, khi hết 3 tháng …nhưng có thể sau đó nhiều ngày các bên thỏa thuận gia hạn nợ…ok ko sao => DN/htx thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán  
+DN/htx mất khả năng thanh toán và các chủ nợ đều có quyền tự chủ, tự định đoạt =>các bên hoàn toàn có quyền thỏa thuận với nhau về việc gia hạn nợ/hoãn nợ/xóa nợ.  
=>sau 3th… mà DN/htx này ko thanh toán mà ko có thỏa thuận gì thì bên có quyền/nghĩa vụ nộp đơn thì TA ra quyết định mở thủ tục giải quyết PS

chủ thể có quyền nộp đơn:   
(1)-***Chủ nợ ko có bảo đảm/bảo đảm 1 phần*** mới có quyền nộp đơn: với điều kiện sau 3 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà DN/htx ko thanh toán được cho chủ nợ

Căn cứ vào các khoản nợ: nợ có bảo đảm/ko bảo đảm/bảo đảm 1 phần => CN được chia làm 3 loại:  
-CN có bảo đảm: là chủ nợ có khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp mắc nợ  
-CN ko có bảo đảm: là chủ nợ có khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp mắc nợ  
-CN bảo đảm 1 phần: là chủ nợ có khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp mắc nợ mà giá trị tài sản bảo đảm ít hơn khoản nợ đó  
  
**Câu hỏi**: Tại sao chủ nợ có bảo đảm ko có quyền nộp đơn?  
+CN có bảo đảm mà cái khoản nợ cuả họ đã được DN/htx dùng các TS của họ để bảo đảm hoặc các biện pháp bảo đảm khác để bảo đảm cho việc trả nợ: VD: dùng TS của họ để cầm cố/thế chấp  
+Khi mà TA đã ra quyết định… thì CN có bảo đảm có quyền xử lý TS bảo đảm để thu hồi nợ

***(2)-Bản thân người lao động***, công đoàn công sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn trong TH sau 3 tháng kể từ ngày DN/htx nợ tiền lương, tiền công..mà ko thanh toán  
***(3)-AD trong TH cty CP mất khả năng thanh toán:*** những người có quyền nộp đơn là:  
+thì 1 cổ đông/những CĐ tập hợp lại/ nhóm CĐ ở hữu từ 20% cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 6 tháng liên tục  
hoặc dưới 20% CP phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6th có quyền nộp đơn nếu cty quy định  
+Người lao động: với đk hơn 3 tháng mà ko trả   
+Chủ nợ ko bảo đảm/bảo đảm 1 phần đk 3 tháng  
***(4)-Khi HTX/lhhtx mất khả năng thanh toán*** thì tv của htx hoặc tv của lhhtx (người đại diện theo PL lhhtx – chủ tịch HĐQT là tv của lhhtx) có quyền nộp đơn

=>Người có quyền nộp đơn (có thể nộp hoặc ko)  
=>Người có nghĩa vụ nộp đơn (bắt buộc phải nộp đơn): (2 loại người)  
+đại diện theo PL của DN/htx (chỉ tên rõ)  
+nếu DNTN là chủ DNTN, cty CP là CTHĐQT, cty HD là tv HD…

Trong thực tế có những cá nhân/tổ chức họ phát hiện ra 1 DN/htx nào mất khả năng khả năng thanh toán thì lúc này họ là chủ thể có trách nhiệm thông báo tới các người có nghĩa vụ nộp đơn.  
VD: cty CP A có tranh chấp với cty CP B có tranh chấp với nhau và nhờ TA giải quyết tranh chấp, và TA phat hiện ra là cty CP A mất khả năng thanh toán thì lúc nào TA ko được tự ý mở thủ tục giải quyết PS mà phải có trách nhiệm thông báo để họ nộp đơn

TA nào có thẩm quyền?  
TAND cấp huyện hoặc TAND cấp tỉnh  
TAND cấp huyện: bao gồm tòa án của các huyện, tp, thị xã thuộc tỉnh   
TAND cấp tỉnh: toà án của các tỉnh và các tp trực thuộc trung ương

Và đối với các DN nằm trong 4TH này (chỉ giải quyết thủ tục giải quyết PS đối với 4TH này):  
- TH1: Vụ việc PS có TS ở nước ngoài hoặc người tham gia thủ tục PS ở nước ngoài  
- TH2: DN/htx mất khả năng thanh toán có chi nhánh, văn phòng, đại diện ở nhiều huyện, quận, thị xã, tp thuộc tỉnh khác nhau  
- TH3: DN/htx mất khả năng thanh toán có bất động sản ở nhiều huyện, quận, thị xã , tp thuộc tỉnh khác nhau  
- TH4: Vụ việc PS thuộc thẩm quyền của TSND cấp huyện mà TAND cấp tỉnh lấy lên để giải quyết do có tính chất phức tạp  
=>Còn lại các TH khác TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết:  
(gồm htx đki kinh doanh tại TAND cấp huyện, DN/HTX có trụ sở chính tại huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh đó và không thuộc trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh …kiểu như có 1 trụ sở thui ý…)

Cá nhân, tổ chức hành nghề quản lý, thanh lý tài sản  
1. Quản tài viên  
2. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Hội nghị chủ nợ (HNCN)  
TS có thẩm quyền nhưng tòa án chỉ được giải quyết theo nghị quyết của hội nghị chủ nợ (HNCN):  
Người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ:

* Chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ;
* Đại diện cho người lao động (NLĐ), đại diện công đoàn được NLĐ uỷ quyền;
* Người bảo lãnh sau khi đã trả nợ thay cho DN/HTX mất khả năng thanh toán; trường hợp này người bảo lãnh trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

Người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ:

* Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
* Chủ DN hoặc người đại diện hợp pháp của DN, HTX mất khả năng thanh toán (trường hợp không tham gia được thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham gia HNCN)  
  Trường hợp người đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán cố ý vắng mặt không có lý do chính đáng thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật.

Hội nghị chủ nợ đưa ra nghị quyết có 1 trong 3 kết luận sau (đưa ra kết luận nào thì TA giải quyết theo kết luận đó):  
- Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục PS nếu thuộc TH PL quy định  
- Đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh (điều kiện đó là tòa án HNCN phải thành công và đưa ra kết luận để yêu cầu TA AD biện pháp phục hồi)  
- Đề nghị tuyên bố PS DN/htx  
  
Lưu ý nhé: Các hoạt động của DN/HTX xã bị cấm (4 hđ sau):  
1) Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản  
2) Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong DN phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động  
3) Từ bỏ quyền đòi nợ  
4) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của DN/HTX

Tình huống: Ngày 5/3/2018 cty CP A bị TA ra quyết định mở thủ tục giải quyết PS  
Ngày 10/3/2018 cty CP A trả nợ 1 tỷ (ko có bảo đảm) cho NHTM1  
Hành động đó là đúng hay sai?  
=> HĐ đó là sai vì nó vi phạm QĐ trong luật PS, sau khi có quyết định mở thủ tục PS thì cấm DN thanhh toán các khoản nợ ko có bảo đảm

THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (2đk)  
-ĐK 1: HNCN đã ra nghị quyết đề nghị được phục hồi  
-ĐK 2: trong đó có 3 đk cụ thể:  
+có phương án phục hồi hoạt động kinh doanh  
+PA phục hồi này phải được HNCN thông qua  
+được thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.  
=>Thời hạn phục hồi ko quá 3 năm nếu như HNCN ko ghi…

Tuyên bố phá sản (3TH)  
TH1: theo thủ tục rút gọn (2TH nhỏ)  
+th1: Người nộp đơn là người có nghĩa vụ  
+th2: Người nộp đơn có thể là người có quyền/nghĩa vụ, sau khi thụ lý đơn yêu cầu mà DN/htx ko còn TS để thanh toán chi phí PS =>ko còn cơ hội/đk tài chính để phục hồi nữa

TH2: Khi HNCN ko được triệu tập thành công  
TH3: Theo nghị quyết của HNCN

=>Cơ quan thi hành án dân sự sẽ là người tổ chức thi hành quyết định quyên bố PS của TA  
Cơ quan thi hành án dân sự làm gì?  
1) Mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên CQTHADS có thẩm quyền để gửi các khoản tiền thu hồi được của DN/HTX phá sản  
2) Giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản  
3) Thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao TS cho người mua được TS trong vụ việc phá sản theo quy định  
4) Sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản, Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố DN/HTX phá sản

Thứ tự phân chia TS (bắt buộc phải viết đúng thứ tự ko thì 0đ)  
=>thanh toán hết theo thứ tự thứ nhất nếu còn thì mới đến thứ tự thứ 2, nếu thứ tự 2 hết thì thôi luôn, ko còn thứ tự 3 nữa  
=>ko biết ai gửi đơn nhưng khi TA ra quyết định tuyên bố PS thì CQTHADS phân chia giá trị tài sản của DN/HTX theo thứ tự sau đây:  
- (1) Trả CP phá sản   
- (2) Trả CP phá sản xong nếu còn trả các khoản phải trả cho người lao động  
- (3) Các khoản nợ phát sinh sau khi TA mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của DN/htx  
- (4) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước (VD thuế): khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ  
=>cuối cùng mới thuộc về CSH

***Tình huống****: Sau khi trả hết CP PS rồi, TS còn lại là 500tr nhưng nợ người lao động 1 tỷ. Vậy giờ thanh toán theo thứ tự thứ 2 ntn?*=>chia theo tỷ lệ để thanh toán: 500tr/1ty => thanh toán 50% cho mỗi người 1 tỷ lệ bằng nhau  
***Câu hỏi:*** *các khoản nợ có bảo đảm của chủ nợ có bảo đảm thanh toán lúc nào?*=> đối với khoản nợ có bảo đảm của thì những khoản nợ đến hạn chủ nợ được xử lý TS để thu hồi nợ bất kể nó là lúc nào => nên là ko đưa vào thứ tự  
Còn phần mà ko có bảo đảm hoặc TS xử lý ko đủ để trả thì được thanh toán theo thứ tự thứ tư cùng với các khoản nợ ko có bảo đảm  
***Câu hỏi:*** *Chứng minh thủ tục giải quyết phá sản là thủ tục tố tụng đặc biệt*  
đây là thủ tục tố tụng tại TA, đã là thủ tục tố tụng luôn có trình tự:  
- trình tự nộp đơn – thụ lý đơn yêu cầu (bắt buộc)  
- sau đó là các thủ tục khác  
- thủ tục giải quyết phá sản là thủ tục tố tụng đặc biệt vì:   
+Việc giải quyết PS là việc giải quyết các khoản nợ của DN/htx mất khả năng thanh toán đối với các chủ nợ và đối với người lao động nhưng lại thông qua hoạt động của cơ quan NN có thẩm quyền là TA nhân danh quyền lực tư pháp của NN  
=> Quan hệ nợ giữa DN/htx mất khả năng thanh toán với các chủ nợ và người lao động là quan hệ dân sự nhưng lại có sự thông qua của cơ quan NN có thẩm quyền là TA   
+TA là cơ quan NN có thẩm quyền giải quyết việc đòi nợ theo thủ tục đòi nợ tập thể của các chủ nợ => tại sao lại là thủ tục đòi nợ tập thể vì TA là cơ quan nhân danh quyền lực NN nhưng chỉ đc ra quyết định trên cơ sở có nghị quyết của HNCN (chỉ trừ TH giải quyết theo TH rút gọn). HNCN đưa ra 3 nghị quyết, HNCN là biểu quyết của các chủ nợ, ý chí của các chủ nợ đã được biểu quyết ở HNCN, và HNCN đưa ra nghị quyết nào thì TA giải quyết theo nghị quyết đó  
+TA là cơ quan NN có thẩm quyền nhân danh quyền lực NN trên cơ sở nghị quyết của HNCN tạo cơ hội cho DN/htx có thể đc phục hồi hđ kinh doanh (có sự tham gia của TA, 1 trong những đk đc phục hồi là thẩm phán phải thông qua và ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh)  
- Nếu như TA đã ra quyết định tuyên bố PS thì CQTHADS là người phải tổ chức thực hiện qđ tuyên bố SP của TA và thanh toán các khỏan nợ theo thứ tự do luật quy định. Theo thứ tự đó là các khoản nợ cùng loại thì được thanh toán theo cùng 1 thứ tự.

THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Tổ chức tín dụng:   
NHTM, chi nhánh NH nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, NH htx, cty tài chính, cty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô  
Là htx phải đki kinh doanh tại cơ quan đki kinh doanh cấp tỉnh  
khi tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán rồi thì Ngân hàng Nhà nước (NHNN) với 2 tư cách:  
+1 cơ quan NN thuộc … (cơ quan ngang bộ)  
+NH trung ương thực hiện chức năng ngân hàng của các tổ chức tín dụng  
=>vì vậy khi 1 tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán thì bắt buộc phải có sự can thiệp của NHNN

khi 1 tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán thì người có nghĩa vụ/quyền nộp đơn chưa được nộp đơn vội mà lúc này NHNN sẽ can thiệp. NHNN có thể ra quyết định:  
+Kiểm soát đặc biệt hoặc  
+Phục hồi khả năng thanh toán  
Nếu đã …mà ko thể khắc phục được thì lúc này NHNN ra văn bản chấm dứt KSĐB hoặc chấm dứt biện pháp phục hồi khả năng thanh toán, hoặc ko áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán => thì lúc này những người có quyền/nghĩa vụ mới được nộp đơn

ai có quyền nộp đơn?  
=>4 loại người giống như những DN/htx khác

ai có nghĩa vụ nộp đơn? (khác)  
+Chính tổ chức tín dụng đó mà đã có văn bản chấm dứt KSĐB hoặc chấm dứt biện pháp phục hồi khả năng thanh toán, hoặc ko áp dụng biện pháp phục của NHNN  
+TH nếu TCTD đó ko nộp đơn thì NHNN sẽ nộp đơn với tư cách là người có nghĩa vụ

+Trong thời hạn 30 ngày QTV lập được danh sách chủ nợ => TA tuyên bố TCTD đó phá sản  
khi mà TA đã ra quyết định đó thì ko có TH phục hồi kinh doanh đâu  
***Câu hỏi:*** *Tại sao trong quá trình giải quyết PS đối với TCTD ko có thủ tục phục hồi hđ kinh doanh*khi 1 tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán thì người có nghĩa vụ/quyền nộp đơn chưa được nộp đơn vội mà lúc này NHNN sẽ can thiệp. NHNN có thể ra quyết định:  
+Kiểm soát đặc biệt hoặc  
+Phục hồi khả năng thanh toán  
Nếu đã …mà ko thể khắc phục được thì lúc này NHNN ra văn bản chấm dứt KSĐB hoặc chấm dứt biện pháp phục hồi khả năng thanh toán, hoặc ko áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán => thì lúc này những người có quyền/nghĩa vụ mới được nộp đơn …

sau khi tuyên bố …và CQTHADS thi hành…và thứ tự phân chia TS để trả nợ:  
1- (giống như DN/htx) CP phá sản  
2- (giống như DN/htx) Trả các khoản phải trả cho NLĐ  
3- (***khác***) Khoản tiền gửi; khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại TCTD phá sản theo quy định  
4- (giống DN/htx) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ  
=>còn lại mới thuộc về CSH

chương 5: Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  
Nắm được:  
- Tranh chấp trong kinh doanh là gì? Những tình huống trong thực tế rồi xem đó có phải là TC trong kinh doanh ko? Tsao?  
- các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, ưu nhược điểm, giống khác nhau  
- \*\*\*các quy định để giải quyết các tình huống  
Tài liệu:II,III (GT), I, IV (slide, word)

-KN: Tranh chấp trong kinh doanh (TCTKD) là bất đồng về chính kiến, xung đột về lợi ích kinh tế, quyền và nghĩa vụ phát sinh, bất đồng về hiện tương pháp lý giữa các chủ thể kinh tế phát sinh các hđ kinh doanh

-Đặc điểm/Dấu hiệu:  
+Phản ánh những bất đồng chính kiến, xung đột về lợi ích kinh tế, quyền và nghĩa vụ phát sinh hoặc sự bất đồng về một hiện tượng pháp lý phát sinh giữa các chủ thể  
+Luôn gắn liền với hoạt động kinh doanh  
+Ít nhất một bên chủ thể tranh chấp là chủ thể kinh doanh

- VD: cty CP 21.5lt có 1 TC về HĐ mua bán hàng hóa với cty TNHH A  
bên bán (cty 21.5) giao hàng cho bên mua (cty TNHH A) thì bên mua cho rằng bên bán giao hàng ko đúng chất lượng làm cho bên mua bị thiệt hại và bên mua cho rằng mình bị thiệt hại 1 tỷ, còn bên bán thừa nhận rằng mình giao hành ko đúng chất lượng nhưng chỉ gây thiệt hại cho bên mua là 500tr.  
1-TC này có phải là TCTKD hay ko? Giải thích tại sao?  
=>   
+DH1:   
bất đồng về chính kiến: 1 bên cho rằng thiệt hại 1 tỷ, 1 bên cho rằng chỉ gây thiệt hại 500tr  
bất đồng về ….: 1 bên cho rằng …  
+DH2: 2 bên đều là DN, đều thực hiện các hđ kinh doanh => đều gắn liền với hđ kd của 2 bên  
+DH3: các bên đều là CTKD (cty TNHH, cty CP)  
=>có đầy đủ 3 đặc điểm của TC trong kd => TC trên là TC trong kd  
2-có những phương thức nào để giải quyết TC trên?  
=>4 phương thức

|  |  |
| --- | --- |
| Căn cứ vào các tiêu chí | Phân loại TC |
| Nội dung TC | Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì TCTKD đc chia thành 5 loại: +TC phát sinh có đki kd với nhau và nhằm mục đích lợi nhuận (VD trên là loại này) +TC về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân/tổ chức với nhau nhằm mục tiêu lợi nhuận +TC giữa người chưa phải là tv cty nhưng lại có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với cty, tv cty +Tranh chấp giữa cty với các tv của cty; TC giữa cty với người quản lý trong CT TNHH hoặc tv HĐQT, GĐ, TGĐ trong cty CP,giữa các tv của cty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao TS của cty, chuyển đổi hình thức tổ chức của cty +Các tranh chấp khác về KD, TM VD: TC phát sinh trong việc phá sản, TC trong cạnh tranh, TC trong đầu tư (cơ quan NN có thẩm quyền với nhà đầu tư theo hình thức hợp tác công tư…) |
| Tính chất quốc tế | 2 loại: +có yếu tố nước ngoài +ko có yếu tố nước ngoài |

giải quyết  
- KN:  
- Các phương thức giải quyết:

* Thương lượng
* Hoà giải
* Giải quyết bằng Trọng tài thương mại
* Giải quyết bằng Tòa án

1.Thương lượng, hòa giải

**Câu hỏi:** Thương lượng, hòa giải? Giống khác, ưu nhược điểm?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | Thương lượng | Hòa giải | |
| Giống nhau | | +Đều là phương thức giải quyết TC để loại trừ xung đột để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên TC +Các bên TC là người ra phán quyết giải quyết TC trong kinh doanh | | |
| Khác nhau | Khái niệm | Là phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua việc các bên tự nguyện bàn bạc, thỏa thuận nhằm loại bỏ tranh chấp mà ko cần sự can thiệp của bên thứ 3 | | Là phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh với sự tham gia của bên thứ 3 làm trung gian hỗ trợ cho các bên giải quyết TC, ko phải người ra phán quyết mà người ra phán quyết là các bên |
| Chủ thể giải quyết TC | Các bên tranh chấp tham gia giải quyết TC | | Các bên tranh chấp và hòa giải viên thương mại/ trung tâm hòa giải (bên thứ 3)  Giữ vai trò trung gian hỗ trợ cùng các bên để giải quyết tranh chấp |
| Các yếu tố quyết định đến việc thành công | Phụ thuộc vào thiện chí của các bên TC | | Ko chỉ phụ thuộc vào thiện chí của các bên tranh chấp mà còn cả kỹ năng của người hòa giải Người hòa giải mà hỗ trợ tốt tư vấn tốt thì các bên sẽ ra đc phán quyết… |
|  |  |  | | Có hai cách hoà giải: Hoà giải tự do hoặc hòa giải theo các quy tắc tố tụng của một tổ chức đã định trước |
| Ưu | | Bảo đảm yếu tố bí mật Bảo đảm uy tín của các bên trong kinh doanh Tiết kiệm thời gian và chi phí của các bên vì ko có sự tham gia của bên thứ 3 | | … |
| Nhược | | +Đã có biên bản thương lượng thành công nhưng kết quả thương lượng đó có thể ko đc thực hiện vì KQ phụ thuộc vào ý chí của các bên (ko có sự tham gia của cơ quan NN…) vì vậy nếu các bên mà ko có thiện chí thì TL mặc dù thành công nhưng TC ko được giải quyết Nếu các bên ko tự giác thực hiện thì cơ quan NN cũng ko có quyền +Vì phán quyết giải quyết TC bằng TL phụ thuộc vào thiện chí của các bên TC do đó có TH 1 bên cố tình kéo dài thời gian TL cho đến khi hết thời hiệu khởi kiện ra trọng tài/tòa mà TL ko thành thì TC vốn đưa ra trọng tài/TA giải quyết cũng ko đc => TC ko đc giải quyết | | Tốn kém chi phí, bí mật kinh doanh có thể bị ảnh hưởng… |

2.Giải quyết TC trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại  
- Khái niệm: là phương thức giải quyết TC trong đó TTTM là bên thứ 3 (hoàn toàn độc lập với các bên TC) thông qua các hoạt động nhân danh ý chí của các bên TC ra phán xét giải quyết TC  
- Tổ chức của TTTM:   
+Được đ/c bởi luật TTTM 2010 quy định về tổ chức trọng tài TM:  
+Gồm 2 loại: trọng tài thường trực và trọng tài vụ việc  
TT thường trực: thành lập dưới hình thức các trung tâm trọng tài và mỗi một tổ chức trọng tài này đều có tên gọi riêng, trụ sở rõ ràng, có quy chế trọng tài, có danh sách trọng tài viên (ít nhất 5 người)  
- Là tổ chức XH nghề nghiệp (ko phải là cơ quan NN ko phải ở đâu cũng có) và được thành lập theo thụ tục được NN cho phép thành lập (được Bộ Tư Pháp cho phép thành lập)  
- Thẩm quyền về lãnh thổ: ko giới hạn  
VD: Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội nộp hồ sơ về sở tư pháp HN để cấp giấy phép hoạt động  
TT vụ việc (ad-hoc):   
+Các bên thành lập, Toà án hỗ trợ việc thành lập  
+Tự giải tán sau khi giải quyết xong vụ việc

**Phương thức trọng tài**

***Thẩm quyền***   
+Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại: hoạt động của các bên/ít nhất 1 bên có đăng ký kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận  
+Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại  
+Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài

***Các nguyên tắc giải quyết***  
+Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của PL và trái đạo đức xã hội  
+Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của PL  
+Các bên tranh chấp bình đẳng về quyền và nghĩa vụ  
+Giải quyết không công khai (trừ khi các bên có thỏa thuận khác) => bảo đảm giữ bí mật kinh doanh và uy tín cho các bên, nhược điểm là bên thứ 3 là người đưa ra phán quyết (trọng tài thương mại) thiếu đi sự tác động của dư luận XH vào sự ra phán quyết của bên thứ 3  
+Phán quyết trọng tài là chung thẩm => chung thẩm: phán quyết của TTTM khi được đưa ra thì có hiệu lực PL ngay, các bên TC ko có quyền kháng cáo  
***Câu hỏi:*** *Tại sao phán quyết của trọng tài là chung thẩm? nghĩa là tại sao phán quyết của TT lại có hiệu lực ngay?*Khái niệm:  
Giải thích: phán quyết của trọng tài là chung thẩm nghĩa là giá trị phán quyết của trọng tài có hiệu lực pháp luật ngay các bên TC ko có quyền kháng cáo vì:   
Lí do 1: TT ra phán quyết giải quyết ***TC nhân danh ý chí của các bên TC***. Thể hiện ở:  
+các bên TC thỏa thuận chọn và loại TT nào  
+mỗi bên TC có quyền chọn cho mình 1 TTV đại diện cho mình và bảo vệ qyền lợi ích cho mình  
+các bên thỏa thuận yêu cầu TT giải quyết nội dung TC mà các bên yêu cầu  
+các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn thời gian địa điểm giải quyết TC  
Lí do 2: TTTM giải quyết TC chỉ có 1 cấp giải quyết, TTTM là tổ chức XH nghề nghiệp => độc lập, ko phụ thuộc vào cấp trên và cấp dưới

***Điều kiện giải quyết:*** Các bên có thỏa thuận trọng tài  
Lưu ý các trường hợp cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi; tổ chức chấm dứt hoạt động, giải thể, chuyển đổi,…

**Câu hỏi:** Tại sao TT là bên thứ 3 là nhân danh ý chí của các bên TC?  
TTTM chỉ giải quyết TC khi có điều kiện thỏa thuận TT hợp pháp….

***Thỏa thuận TT như thế nào là hợp pháp?***   
ĐK có hiệu lực của HĐ (thực ra đây là hình thức HĐ)  
các bên giao kết phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi, hoàn toàn tự nguyện…  
Thỏa thuận TT phải bằng văn bản thì mới có hiệu lực. Nếu như ko có văn bản thì vô hiệu  
Thảo thuận TT có thể là thỏa thuận trước khi hoặc sau khi có TC

***Điều kiện để giải quyết TC của TT?***

***Thủ tục tố tụng***

* Thỏa thuận trọng tài: chỉ giải quyết TC khi có thỏa thuận trọng tài
* Khởi kiện: chỉ giải quyết khi có đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện
* Thành lập Hội đồng trọng tài
* Phiên họp giải quyết tranh chấp
* Quyết định trọng tài và thi hành quyết định trọng tài
* Giải quyết vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài

VD Chọn TT vụ việc: chọn TTV ở bất kỳ đâu mình thích  
2 trọng tài viên đại diện cho 2 bên, thì 2 TTV thỏa thuận để chọn TTV thứ 3 (giữ chức vụ chủ tịch HĐ trọng tài) thành lập hội đồng trọng tài để giải quyết TC  
**Câu hỏi:** Nếu B đã chọn TTV rồi nhưng A ko chọn TTV để đại diện cho mình. Vậy làm thế nào để thành lập hội đồng trọng tài để giải quyết TC đó?  
VD chọn TT thường trực:  
trong quá trình giao kết HĐ các bên thỏa thuận với nhau để chọn trung tâm trọng tài Quốc tế VN, lúc nào B kiện A thì ko phải gửi thẳng hồ sơ kiện đến A mà gửi hồ sơ đến trung tâm trọng tài QTVN, trước khi gửi thì B phải chọn cho mình 1 TTV để bảo vệ lợi ích cho mình nhưng khác với khi chọn TT vụ việc thì các bên được chọn TTV nhưng phải trong danh sách TTV của trung tâm trọng tài QTVN, sau khi nhận thì trung tâm trọng tài Quốc tế VN thông báo cho A là A bị đơn kiện, lúc nào A cũng phải chọn cho mình 1 TTV nhưng cũng nằm trong danh sách của trung tâm trọng tài Quốc tế VN  
Giả sử nếu như các bên đều chọn 1 người là Nguyễn Văn A cả đại diện của A,B đều chọn thì lúc này 1 TTV đứng ra giải quyết TC  
…..

Khi mà TT ra phán quyết thì nó có hiệu lực ngay  
thông thường các bên tự giác thi hành  
Nếu ko tự giác thi hành thì bên có quyền họ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành có thể dùng cưỡng chế NN

***Câu hỏi:*** *Chứng minh trọng tài thương mại giải quyết TC trong kinh doanh nhân danh ý chí của các bên TC*TT ra phán quyết giải quyết TC nhân danh ý chí của các bên TC. Thể hiện ở:  
+các bên TC thỏa thuận chọn và loại TT nào  
+mỗi bên TC có quyền chọn cho mình 1 TTV đại diện cho mình và bảo vệ qyền lợi ích cho mình  
+các bên thỏa thuận yêu cầu TT giải quyết nội dung TC mà các bên yêu cầu  
+các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn thời gian địa điểm giải quyết TC

3.Giải quyết tranh chấp bằng tòa án

KN: - Là phương thức giải quyết TC trong đó TA là cơ quan NN là bên thứ 3 độc lập ra phán quyết giải quyết TC nhân danh quyền lực tư pháp của NN

***Câu hỏi:*** *So sánh với giải quyết TC bằng TTTM*Giống nhau: đều có bên thứ 3 độc lập với bên giải quyết TC và cũng là …  
Khác nhau:  
Giải quyết TC bằng TTTM => nhân danh ý chí của các bên TC   
Giải quyết TC bằng TA => nhân danh quyền lực NN

**TỔ CHỨC TÒA ÁN**TAND tối caoTAND cấp caoTAND tỉnh, thành phố trực thuộc TƯTAND huyện, quận , thị xã, thành phố thuộc tỉnh và cấp tương đươngTòa án quân sựVD: TA ND tp Hải dương tỉnh Hải dương => TA cấp huyện

***Các nguyên tắc cơ bản***-Tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự *-*Quyền yêu cầu TA bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp **(**CQ, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện; Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng) *-*Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự => TA chỉ thụ lý để giải quyết TC khi có đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện *-*Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự => là nghĩa vụ của các bên TC, các bên TC phải có nghĩa vụ đưa ra các chứng cứ để chứng minh, TA ko có nghĩa vụ chứng minh mà chỉ thu thập những chứng cứ *-*Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền *-*Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự *-*Bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự *-*Hòa giải trong tố tụng dân sự => trong quá trình giải quyết TC, TA sơ thẩm làm thủ tục hòa giải… *-*Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án dân sự *-*Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự *-*Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng *-*Tòa án xét xử tập thể *-*Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, theo nguyên tắc công khai *-*Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự *-*Bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm *-*Giám đốc việc xét xử *-*Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án *-*Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng dân sự *-*Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự *-*Trách nhiệm chuyển giao tài liệu, giấy tờ của Tòa án *-*Việc tham gia tố tụng dân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân *-*Bảo đảm tranh tụng trong xét xử *-*Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự

***Thẩm quyền xét xử của toà án***  
-Thẩm quyền theo vụ việc  
-Thẩm quyền của Toà án các cấp  
-Thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ  
-Thẩm quyền của Toà án theo sự lựa chọn của nguyên đơn

***Thẩm quyền theo vụ việc***1. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận  
2. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận  
3. Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty  
4. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong CT TNHH hoặc thành viên HĐQT, GĐ, TGĐ trong công ty CP,giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty  
5. Các tranh chấp khác về KD, TM, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật

***Thẩm quyền của Toà án các cấp****\*Thẩm quyền của TAND cấp huyện (thông thường ko có phân tòa nếu có phân tòa thì tòa dân sự giải quyết)*  
=>Giải quyết theo thủ tục *sơ thẩm* tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức *đều đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*  
(Trừ trường hợp: có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước CHXHCN VN ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì TACH ko giải quyết)  
*\*Thẩm quyền của TAND cấp tỉnh (Tòa kinh tế)*-TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục ***sơ thẩm*** các tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, trừ những vụ thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện  
-TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện mà TAND cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của TAND cấp huyện  
-Giải quyết theo thủ tục ***phúc thẩm*** những vụ việc mà bản án, quyết định kinh doanh, thương mại chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật TTDS.

***Câu hỏi:*** *TA nào có thẩm quyền giải quyết vụ TC trên? (cty A với B)*  
TC này là TC phát sinh đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, ko có yếu tố và TS nước ngoài => TA cấp huyện có thẩm quyền giải quyết  
những TC khác, TC phát sinh đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nhưng có yếu tố và TS nước ngoài => TA cấp tỉnh giải quyết

***Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ***-Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm  
-Các bên TC có địa vị pháp lý bình đẳng => có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản để yêu cầu tòa án nơi nguyên đơn có cư trú và có trụ sở có thẩm quyền giải quyết  
-Đối tượng TC là BĐS thì chỉ TA nơi có BĐS giải quyết  
***Câu hỏi:*** *Vậy tòa án cấp huyện rồi nhưng TA Bắc từ liêm hay Thanh hóa giải quyết?*=>TA nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết, A kiện ra tòa (bên nguyên đơn), B là bên bị kiện (bị đơn) => là TAND quận BTL tp HN  
Nếu các bên có thỏa thuận chọn TA thì TAND tp Thanh hóa có quyền giải quyết

Nếu B là bán tòa nhà quận Ninh Kiều, tp Cần Thơ => lúc này TA quận NK,tpCT có thẩm quyền giải quyết  
Nếu là TC về thiết kế, kiểu dáng tòa nhà bên A thì bảo do bên A thiết kế, bên B thì bảo do bên B thiết kế => loại TC sở hữu trí tuệ => TA cấp tỉnh nhưng tòa nhà này liên quan đến BĐS => tòa này ở NK,CT => TAND ở NK,CT có thẩm quyền giải quyết

Một vụ TC nguyên đơn chỉ được quyền chọn 1 tòa duy nhất và khi họ gửi đơn kiện đến tòa nào thì tòa đó mới có thẩm quyền giải quyết   
=>*Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn:*  
+Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết  
+Nếu tranh chấp phát sinh từ HĐ của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể Y/C TA nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết  
Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở VN thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết  
+Nếu tranh chấp về BTTH ngoài HĐ thì nguyên đơn có thể yêu cầu TA nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết  
+Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết  
+Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi thì nguyên đơn có thể yêu cầu TA nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết  
+Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết..

*Thời hiệu khởi kiện:*  
+TA chỉ AD về thời hiệu theo yêu cầu AD của 1 bên hoặc các bên với đk phải cung cấp cho TA trước khi TA cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc  
=>TC về thời hiệu khởi kiện là 3 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp, hết 3 năm mất quyền khởi kiện  
Người được hưởng lợi từ việc AD thời hiệu có quyền từ chối AD thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ  
+Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (Điều 429 BLDS)  
+Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là 2 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm (Điều 319 Luật thương mại)  
=>***Không áp dụng thời hiệu khởi kiện*** *trong trường hợp sau đây:*+Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản  
+Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật DS, luật khác có liên quan quy định khác  
+Tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai  
+Trường hợp khác do luật quy định

***THỦ TỤC GIẢI QUYẾT  
Xét xử sơ thẩm, sơ***   
*+Khởi kiện và thụ lý vụ án* => TA chỉ được giải quyết vị TC khi có đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện thì TA mới thụ lý vụ án  
*+Chuẩn bị xét xử, hoà giải* => có 2 cấp: sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có)  
=>trong quá trình chuẩn bị xét xử TA phải hòa giải (đó là nguyên tắc tố tụng của tòa) => nếu hòa giải ko thành thì TA mới ra bản án sơ thẩm giải quyết TC, nếu bản án sơ thẩm có hiệu lực các bên thi hành thì ok kết thúc nhưng nếu kháng cáo thì phải xét sử theo phúc thẩm   
Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm: Khi bản án/quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật (có 15 ngày chưa có hiệu lực PL) => các bên đương sự có quyền kháng cáo hoặc cơ quan NN có thẩm quyền có quyền kháng nghị (viện kiểm sát kiểm sát hđ giải quyết TC của TA, TA cấp trên xem xét việc giải quyết TC của TA cấp dưới) => thì TA cấp trên sẽ xét sử lại theo thủ tục phúc thẩm  
VD: TAND quận BTL ra phán quyết giải quyết TC yêu cầu B bồi thường cho A 900tr nhưng mà do đó chính B kháng cáo trong thời gian 15 ngày thì lúc này TAND tp HN sẽ xét sử lại theo thủ tục phúc thẩm  
TA cấp huyện là tòa thấp nhất nên TA cấp huyện ko có thủ tục giải quyết phúc thẩm  
*+Khi bản án/quyết định của TA đã có hiệu lực PL:*Khi bản án/quyết định sơ thẩm hết thời hạn kháng cáo/kháng nghị mà ko có kháng cáo kháng nghị thì có hiệu lực  
Bản án quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay  
Khi bản án/qđ đã có hiệu lực PL => thì các bên đương sự mất quyền kháng cáo, nhưng cơ quan NN có thẩm quyền vẫn có quyền kháng nghị  
Nếu bản án/qđ đã có hiệu lực PL nhưng có kháng nghị cơ quan NN có thẩm quyền thì ko xét sử lại nữa, mà TA cấp trên (của TA đã ra bản qđ có hiệu lực bị kháng nghị ấy) xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc thủ tục tái thẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Giám đốc thẩm | Tái thẩm |
| Giám đốc thẩm và tái thẩm => giống nhau đều là TA cấp trên ***xem xét lại*** bản án/qđ phúc thẩm của TA cấp dưới đã có hiệu lực nhưng bị kháng nghị của cơ quan NN có thẩm quyền Khác nhau: căn cứ kháng nghị của GĐT khác căn cứ kháng nghị của tái thẩm | |
| Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây: +Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự  +Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật +Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. | Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong những căn cứ sau:  +Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án +Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ +Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố ý kết luận trái pháp luật +Bản án, quyết định hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước mà Tòa án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án đã bị hủy bỏ. |

GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC RÚT GỌN: nhanh, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí   
nếu như 1 vụ TC mà có đủ đk theo thủ tục rút gọn thì TA sẽ giải quyết theo thủ tục rút gọn. Nhớ 3 đk là:  
- Vụ án có tình tiết đơn giản  
- các đương sự đều có địa chỉ, trụ sở rõ ràng  
- ko có đương sự ở nước ngoài

***Câu hỏi:*** *Vậy giải quyết TC bằng TA có ưu nhược điểm nào?*Ưu:  
+ Giải quyết TC bằng TA làm cho việc giải quyết TC được thành công, TC đc giải quyết 1 cách dứt điểm vì giải quyết TC bằng TA thì TA là bên thứ 3 nhân danh quyền lực NN ra phán quyết vì vậy phán quyết mang tính cưỡng chế của NN, nếu như các bên ko thi hành thì cơ quan THADS sẽ tổ chức áp dụng cưỡng chế NN bắt buộc các bên phải thực hiện  
=>Giải quyết TC dứt điểm  
+Thông thường bảo vệ được quyền/lợi ích cho các bên TC 1 cách tối đa, TA giải quyết theo 2 cấp xét xử, ....giám đốc thẩm/tái thẩm để bảo đảm lợi ích quyền/nghĩa vụ tối đa cho các bên TC  
+Bảo đảm nguyên tắc công khai => TA ra phán quyết mang tính khách quan vì có sự tác động của dư luận XH  
Nhược:  
+Giải quyết TC bằng TA ***có thể*** làm cho quá trình giải quyết bị kéo dài vì thủ tục giải quyết TC rất chặt chẽ và 2 cấp xét xử...gđ thẩm/tái thẩm...=>ảnh hưởng đến quyền/lợi ích của các bên TC  
+Khó bảo đảm được uy tín và bí mật kinh doanh cho các bên => vì giải quyết theo nguyên tắc công khai mà  
***Câu hỏi:*** *So sánh phương thức giải quyết TC bằng TTTM và TA?*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Giải quyết TC bằng TTTM | Giải quyết TC bằng TA |
| Giống | | +Đều là phương thức giải quyết TC trong kinh doanh để ...quyền lợi ích cho các bên +Đều có bên thứ 3 độc lập với các bên TC ra phán quyết giải quyết TC trong kinh doanh | |
| Khác | Khái niệm |  |  |
| Chủ thể giải quyết TC | TTTM thông qua hoạt động của TTV hoặc hội đồng trọng tài | TA của cơ quan NN giải quyết thông qua hoạt động của thẩm phán |
| Tính chất | Nhân danh ý chí của các bên TC | Nhân danh quyền lực tư pháp của NN |
| Thủ tục | Có 1 cấp xét xử do vậy phán quyết của TT có giá trị trung thẩm | Thủ tục chặt chẽ có 2 cấp xét xử vì vậy có thể kéo dài thời gian giải quyết TC |
| Tính công khai | Ko công khai trong quá trình giải quyết TC | Công khai trong quá trình giải quyết TC |
|  | Hòa giải | Hòa giải trong quá trình TT giải quyết TC ko bắt buộc | Hòa giải trong tố tụng là bắt buộc |
| Tính cưỡng chế của NN về phán quyết | Phán quyết ko mang tính cưỡng chế NN vì TTTM là tổ chức XH nghề nghiệp => ko nhân danh quyền lực NN => ko mang tính cưỡng chế NN | Mang tính cưỡng chế NN bởi TA là cơ quan NN nhân danh quyền lực NN |

CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH TẠI VIỆT NAM PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI VÀ TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI => tự học trong word

Chương 6: Pháp luật tài chính

I/Khái quát về pháp luật tài chính  
II/Một số chế định chủ yếu trong hệ thống pháp luật tài chính  
Tài liệu: GT (nắm được ý chính để triển khai nó ra) => Chế định NSNN và thuế

***Câu hỏi:*** *Tại sao NN phải dùng PL để điều chỉnh các quan hệ tài chính? Tại sao phải quản lý tài chính bằng PL?*- Tài chính là gì? Quan hệ TC là? Hoạt động TC là?  
- PL là? Có những thuộc tính/đặc điểm/dấu hiệu nào?  
- Hoạt động TC là hoạt động ko thể thiếu được của NN (VD: NN đặt ra các loại thuế và thu thuế) mang tính quyền lực công (công quyền) do đó phải được thể chế bằng PL  
- Xuất phát từ bản chất của quan hệ TC  
Quan hệ TC là quan hệ XH phát sinh trong quá trình phân bổ các nguồn lực tài chính khan hiếm=>phản ánh quan hệ lợi ích giữa các chủ thể tham gia, trước hết là quan hệ kinh tế VD: quan hệ thuế là thuế TNCN, quan hệ lợi ích VD hàng năm bỏ tiền nộp thuế TNCN…  
- Xuất phát từ tính chất đặc điểm của QH TC trong kinh tế thị trường  
Chủ thể tham gia quan hệ TC trong kinh tế thị trường rất đa dạng ở các góc độ khác nhau  
VD: quan hệ tài chính các nhân hộ gia đình với ngân sách NN, quan hệ tài chính DN, quan hệ bảo hiểm,…  
Nhưng yêu cầu đặt ra là phải có hệ thống tài chính thống nhất. Một bên là quan hệ TC đa dạng phức tạp vậy để có hệ thống tài chính thổng nhất thì các quan hệ phải được điều chỉnh bằng PL  
- Để sử dụng hiệu quả nguồn tài chính: nguồn tài chính của chủ thể nào cũng khan hiếm VD: cá nhân hộ gđ khan hiếm, NSNN cũng khan hiểm => vậy để sd hiệu quả nguồn tài chính NSNN cần có PL điều chỉnh => để việc chi như thế nào, sử dụng hiệu quả ntn…  
- Xuất pháp từ các thuộc tính/đặc điểm của PL: cho thấy tính hơn hẳn của PL so với các công cụ khác => bất kỳ NN nào cũng dùng PL để làm công cụ quản lý chính đối với các quan hệ TC.   
***Câu hỏi:*** *lí do để tăng cường quản lý TC bằng PL?*  
(chương 1)  
Để quản lý TC bằng PL phải có 2 yêu cầu:  
+Có hệ thống PL TC hoàn thiện  
+Đảm bảo thực hiện nghiêm ko có TH ngoại lệ  
…..

PLTC: là hệ thống các quy phạm PL điều chỉnh các quan hệ TC  
=>Đối tượng điều chỉnh/phạm vi ĐC là quan hệ TC cụ thể là quan hệ phát sinh trong quá trình phân bổ các nguồn lực tài chính khan hiếm, hoặc quan hệ XH phát sinh trong quá trình tạo lập sử dụng các quỹ tiền tệ của các chủ thể

Phạm vi điều chỉnh cụ thể của PLTC:  
\*Căn cứ tính chất của QHTC: QHTC là đối tượng/phạm vị điều chỉnh của PLTC chia làm 2 loại:  
- QHTC công: thuộc phạm vi ĐC của PL TC công, PLTC công là hệ thống các quy phạm PL điều chỉnh QHTC công => PL TC công có phạm vi điều chỉnh là QHTC công  
- QHTC tư: là hệ thống các quy phạm PL điều chỉnh các quan hệ TC tư => vì vậy PLTC tư có phạm vi ĐC là quan hệ tài chính tư

***Câu hỏi:*** *Quan hệ nào là QHTC công?*   
QHTC công: là QHTC quan hệ XH phát sinh trong quá trình tạo lập sử dụng các quỹ tiền tệ của các chủ thể và các chủ thể/bên tham gia có địa vị pháp lý bất bình đẳng và ít nhất 1 bên phải là cơ quan NN hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho NN nhân danh quyền lực NN  
VD1: Bộ Tài Chính phân bổ NSNN năm 2019 cho HVTC => là QHTC công vì:  
+đây là QHTC (là QH phát sinh trong quá trình phân bổ nguồn lực NSNN)   
+1 bên chủ thể là BTC (cơ quan nhân danh quyền lực NN) và HVTC (là đơn vị sự nghiệp công thuộc BTC) => địa vị pháp lý bất bình đẳng   
VD2: Ca sĩ Mỹ Tâm nộp thuế TNCN vào NSNN qua chi cục thuế A  
=> là QHTC thuộc PL điều chỉnh là QH phát sinh trong quá trình phân bổ thu nhập của ca sĩ MT để tạo nguồn thu cho NSNN   
chủ thể 1 bên là ca sĩ MT, 1 bên là chi cục thuế A (là cơ quan NN nhân danh quyền lực NN) => địa vị pháp lý bất bình đẳng  
=>do đó QH này là QH TC công thuộc phạm vi điều chỉnh của PLTC công  
***Câu hỏi:*** *Quan hệ nào là QHTC tư?*   
QHTC tư là QHTC trong đó các bên tham gia có địa vi pháp lý bình đằng và ko bên nào đại diện cho NN nhân danh quyền lực NN  
VD: Cty CP A vay vốn tại NHTM1 1 tỷ; thời hạn vay từ 1/4/2018 – 1/4/2019  
- Trước hết phải giải thích tại sao => quan hệ phát sinh tròn qua trình tạo lập vốn đầu tư kinh doanh của cty CP A và là QH phát sinh trong quá trình sử dụng vốn đầu tư kinh doanh của NHTM1 =>vì vậy …  
- 2 bên đều là DN, đều là chủ thể kinh doanh trong địa vị pháp lý bình đằng ko bên bào đại diện, nhân danh quyền lực NN  
=> là QHTC tư => do đó thuộc phạm vi điều chỉnh của PLTC tư

\*Căn cứ vào yếu tố nước ngoài:  
+QHTC ko có yếu tố nước ngoài  
+QHTC có yếu tố nước ngoài  
=>chương 1

PP điều chỉnh:   
\*Phương pháp mệnh lệnh => khi ĐC các QHTC công vì các bên tham gia có địa vị pháp lý bất bình đẳng và ít nhất 1 bên phải là cơ quan NN hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho NN nhân danh quyền lực NN  
\*Phương pháp thỏa thuận => khi ĐC QHTC tư vì các bên tham gia có địa vi pháp lý bình đằng và ko bên nào đại diện cho NN nhân danh quyền lực NN

Nội dung ĐC: tự học GT

Quy phạm PL TC: tự học

Những QHTC nào được quy phạm PLTC ĐC trở thành quan hệ PL tài chính?  
=>ko phải QHTC nào cũng được PL ĐC => chỉ những QHTC nào quan trọng phổ biến cần thiết và chỉ những QHTC đó mới trở thành QH PL TC  
**Vậy QH PL TC là: là quan hệ TC được điều chỉnh bởi quy phạm PL TC**3 yếu tố của QHPL TC (trong GT):  
- Chủ thể  
- Khách thể  
- Nội dung

***Câu hỏi****: Phải rất hiểu về QHPLTC để cho VD => cho VD về QHPLTC* ***thuộc phạm vi ĐC của PLTC****? giải thích? (rất chuẩn mới có điểm)*(quan hệ TC khác quan hệ PL nhé) => dứt khoát phải có quy phạm PL ĐC   
*Câu hỏi 1.* cho VD về QHPLTC công và giải thích tại sao đó là QHPLTC công?  
Chỉ những QH XH nào (cụ thể là QHTC) được quy phạm PL điều chỉnh thì nó mới trở thành quan hệ PL tài chính  
QHPLTC: là hình thức pháp lý của quan hệ tài chính => là hỏi các hình thức pháp lý của TC chứ ko phải hỏi QHTC => nên khi yêu cầu cho VD về QHPLTC ko được quên là nó được ĐC bởi quy phạm PL ĐC  
**VD1:** BTC phân bổ NS năm 2019 cho HVTC =>đây là QHTC công, được ĐC bằng quy phạm PL NSNN =>được trở thành QH PL về NSNN/ QHPL tài chính công (ko nhầm quan hệ XH với quy phạm PL nhé)  
Tại sao thì: Khái niệm QHPLTC công là QHTC công được ĐC bởi quy phạm TC công  
=>QH phát sinh giữa BTC và HVTC trong quá trình BTC phân bổ NS năm 2019 cho HVTC, được ĐC bởi quy phạm PL về NSNN thuộc quy phạm PL TC công => hình thức pháp lý của QH này chính là QH PL TC công (cụ thể QH PL về NSNN)  
**VD2:** ca sĩ MT nộp thuế TNCN qua chi cục thuế A => đây là QH thuế (cụ thể QHTC công), được quy phạm PL thuế TNCN điều chỉnh =>mà quy phạm PL thuế thuộc quy phạm PL TC công => hình thức pháp lý của nó là QH PL thuế (QH PL về tài chính công)   
*Câu hỏi 2* .Cho VD về QH PL TC tư và giải thích tjai sao đó là QHPLTC tư?  
VD1: Cty CP A vay NHTM1 1 tỷ …=> QH này được ĐC bằng quy phạm PL về tín dụng ngân hàng =>hình thành nên quan hệ PL về tín dụng Ngân hàng (QH PL TC tư)  
Giải thích: QH phát sinh giữa cty CP A với NHTM1 là quan hệ TC tư (vì…) và được ĐC bởi quy phạm PL TC ngân hàng => thuộc quy phạm PL TC tư => hình thức pháp lý của QH này chính là QH PL TC tư

Giải đáp thắc mắc:  
1-mua lại cổ phần và chuyển nhượng cổ phần  
CNCP: là chuyển nhượng giữa các cổ đông với nhau và có thể chuyển trực tiếp hoặc thông qua thị trường chứng khoán (nếu cty là cty đại chúng niêm yết). Tổng vốn điều lệ trong cty CP ko thay đổi bởi vì tổng số đó chỉ chuyển từ cổ đông này sang cổ đông khác  
MLCP: cty mua lại CP của mình, trong TH này số CP của cty sẽ giảm xuống và vì vậy vốn điều lệ giảm xuống => số cổ đông bán cổ phần đó sẽ trở thành người ko phải là cổ đông nếu họ bán hết CP của mình, nếu họ bán 1 phần thì phải cơ cấu lại số CP mà họ sở hữu

2-Trong TH bên khởi kiện chọn TT rồi, nhưng cái bên bị kiện họ ko chọn TT   
Luật TTTM năm 2010 trong TH hoặc 1 trong 2 bên ko chọn TTV để bảo thì TA nơi có thẩm quyền chọn TTV cho bên ko tự chọn TT tất nhiên là theo yêu cầu của 1 bên, A sẽ yêu cầu tòa án có thẩm quyền để chọn TTV cho B  
Nếu đã thỏa thuận với nhau mà 2 bên ko chọn được TTV thứ 3 thì TA có thẩm quyền chọn TT cho họ và hội đồng TT được thành lập

3-Chứng minh thủ tục phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể:  
-TA là cơ quan có thẩm quyền để tham gia vào việc giải quyết PS khi DN/htx mất khả năng thanh toán khi có đơn yêu cầu  
-Trình tự giải quyết PS của TA rất chặt chẽ  
- Giải quyết TC bằng TA là gì? Lí do:  
- Bắt đầu từ thời điểm TA ra quyết định mở thủ tục giải quyết đối với các chủ nợ …đều ko được thanh toán => bắt đầu từ thời điểm đó các chủ nợ ko có bảo…ko được đòi nợ riêng lẻ  
- TA giải quyết việc PS theo nghị quyết của Hội nghị chủ nợ => sau khi mà triệu tập HNCN thì các quyết định của TA hoàn toàn theo nghị quyết của HNCN, HNCN biểu quyết theo quy định thể hiện ý chí của đa số các chủ nợ đại diện cho các khoản nợ ko có bảo đảm => họ đưa ra 1 trong 3 kết luận, và họ đưa ra nghị quyết nào thì TA sẽ giải quyết theo   
- Nếu TA đã ra quyết định tuyên bố PS thì tất cả các khoản nợ ko có bảo đảm hoặc các khoản nợ có bảo đảm nhưng TS bảo đảm ko đủ để trả nợ => các khoản nợ ko có bảo đảm được thanh toán theo cùng 1 thứ tự

\_\_\_\_\_\_\_\_\_The End\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_